

MÃ ĐỊNH DANH CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ (ISINS)
INTERNATIONAL SECURITIES IDENTIFICATION NUMBERS (ISINS)

Cập nhật ngày 25/02/2010

STT/No.	Mã ISIN/ ISINs	Mã ISIN cũ/Old ISINs	Mã CK trong nước/ Local Securities Codes	Hiện trạng mã ISIN/ ISIN Type & Status	Tên tiếng Anh của Tổ chức phát hành/ Issuer Name in English	Tên tiếng Việt của Tổ chức phát hành/ Issuer Name in Vietnamese	Miêu tả về chứng khoán phát hành/ Issue Description	Mệnh giá/ Nominal Value	Quốc gia của Tổ chức phát hành/ Country of Issuer	Đồng tiền phát hành/ Currency of Issue	Lãi suất/ Interest rate	Loại hình lãi suất/ Type of Interest
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
I. CỔ PHIẾU/ STOCK												
1	VN000000ABT2	VN000A0MLVB7	ABT	NA	Ben Tre Aquaproduct Import & Export JSC	Công ty cổ phần XNK thủy sản Bến Tre	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
2	VN000000ACB8	VN000A0MQPA0	ACB	NA	Asia Commercial Bank	Ngân hàng TMCP á Châu	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
3	VN000000ACL7	VN000A0M08Z8	ACL	NA	Cuulong Fish JSC	Công ty cổ phần XNK thủy sản Cửu Long An Giang	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
4	VN000000AGF0	VN000A0KD0T5	AGF	NA	An Giang Fisheries Import & Export JSC	Công ty cổ phần XNK Thủy sản An Giang	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
5	VN000000ALP9	VN000A0M9224	ALP	NA	Alphanam JSC	Công ty cổ phần Alphanam	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
6	VN000000ALT1	VN000A0MLVA9	ALT	NA	ALTA Company	Công ty cổ phần Văn hoá Tân Bình	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
7	VN000000ANV3	VN000A0M0A07	ANV	NA	Nam Viet corporation	Công ty cổ phần Nam Việt	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
8	VN000000ASP4	VN000A0ND7P5	ASP	NA	Anpha Saigon Petrol JSC	Công ty cổ phần Dầu khí An Pha S.G	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
9	VN000000B822	VN000A0NFFW6	B82	NA	482 JSC	Công ty cổ phần 482	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
10	VN000000BAS4	VN000A0RCBP7	BAS	NA	Basa JSC	Công ty cổ phần BASA	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
11	VN000000BBC6	VN000A0KDUF1	BBC	NA	Bibica Corporation	Công ty cổ phần Bibica	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
12	VN000000BBS2	VN000A0LA6K3	BBS	NA	But Son Cement Packing JSC	Công ty cổ phần Bao bì Xi măng Bút Sơn	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
13	VN000000BBT0	VN000A0B7346	BBT	NA	Bach Tuyet Cotton Corporation	Công ty cổ phần Bông Bạch Tuyết	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
14	VN000000BCC4	VN000A0LA042	BCC	NA	Bim Son Cement JSC	Công ty cổ phần Xi măng Bim Sơn	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
15	VN000000BHC3		BHC	NA	Bien Hoa Concrete Joint Sotck Company	Công ty Cổ phần Bê tông Biên Hoà	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		

16	VN000000BHS9	VN000A0LAZC1	BHS	NA	Bien Hoa Sugar JSC	Công Ty CP Đường Biên Hoà	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
17	VN000000BHV3	VN000A0MQPC6	BHV	NA	Viglacera Bahien JSC	Công ty cổ phần Bá Hiến Viglacera	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
18	VN000000BLF8	VN000A0Q3Q23	BLF	NA	Bac lieu Fisheries JSC	Công ty cổ phần Thủy sản Bạc Liêu	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
19	VN000000BMC3	VN000A0MLVC5	BMC	NA	Binh Dinh Minerals JSC	Công ty cổ phần Khoáng sản Bình Định	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
20	VN000000BMI0	VN000A0MQPD4	BMI	NA	Bao Minh Insurance Corporation	Tổng Công ty cổ phần Bảo Minh	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
21	VN000000BMP5	VN000A0LAZG2	BMP	NA	Binh Minh Plastics JSC	Công ty cổ phần Nhựa Bình Minh	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
22	VN000000BPC6	VN000A0KD0N8	BPC	NA	Bim Son Packing Company	Công ty cổ phần Bao bì Bim son	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
23	VN000000BT67	VN000A0KD0S7	BT6	NA	620 Chau Thoi Concrete Corporation	Công ty cổ phần Bê Tông 620	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
24	VN000000BTC8	VN000A0KD0Q1	BTC	NA	Binh Trieu Construction & Engineering JSC	Công ty cổ phần cơ khí và xây dựng Bình Triệu.	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
25	VN000000BTH7	VN000A0NA246	BTH	NA	Hanoi Transformer Manufacturing and Electric Material JSC	Công ty cổ phần Chế tạo Biến thế & Vật liệu điện Hà nội	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
26	VN000000BTS4	VN000A0MZZ07	BTS	NA	But Son Cement JSC	Công ty cổ phần Xi măng Bút Sơn	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
27	VN000000BVS0	VN000A0MQPE2	BVS	NA	Bao Viet Securities Company	Công ty cổ phần chứng khoán Bảo Việt	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
28	VN000000C929	VN000A0NJXU5	C92	NA	Construction and Investment JSC No. 492	Công ty cổ phần Xây dựng và Đầu tư 492	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
29	VN000000CAD4		CAD	NA	Cadovimex Seafood Import-Export And Processing JSC	Công ty cổ phần chế biến & XNK thủy sản Cadovimex	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
30	VN000000CAN3	VN000A0LAZV1	CAN	NA	Ha Long Canned Food Joint Stock Corporation	Công ty cổ phần Đồ hộp Hạ Long	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
31	VN000000CAP8	VN000A0NAXD0	CAP	NA	Yen Bai Agro-Forestry Products & Foodstuff	Công ty cổ phần Lâm nông sản thực phẩm Yên Bái	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
32	VN000000CCM1	VN000A0RADR3	CCM	NA	Can Tho Cement JSC	Công ty cổ phần Xi măng cần thơ	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
33	VN000000CDC0	VN000A0M64Y4	CDC	NA	Chuong Duong Assembly Construction & Investment JSC	Công ty cổ phần Đầu tư và Xây lắp Chương Dương	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
34	VN000000CIC9	VN000A0MQPH5	CIC	NA	Cotec Investment & Construction JSC	Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng (Cotec)	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
35	VN000000CID7	VN000A0LA6L1	CID	NA	Construction & Infrastructure Development JSC	Công ty cổ phần Xây dựng và Phát triển cơ sở hạ tầng	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
36	VN000000CII6	VN000A0LAZY5	CII	NA	Hochiminh City Infrastructure Investment JSC	Công ty cổ phần Đầu tư Hạ tầng kỹ thuật Tp HCM	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
37	VN000000CJC7	VN000A0MQPJ1	CJC	NA	Central Area Electrical Mechanical JSC	Công ty cổ phần Cơ điện Miền Trung	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		

38	VN000000CLC3	VN000A0MLVF8	CLC	NA	Cat Loi JSC	Công ty cổ phần Cát lợi	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
39	VN000000CMC1	VN000A0MQPK9	CMC	NA	Construction & Mechanical JSC No. 1	Công ty cổ phần Đầu tư CMC	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
40	VN000000CNT3	VN000A0Q65Z9	CNT	NA	Construction And Materials Trading JSC	Tổng Công ty cổ phần XD & KD Vật tư (C&T)	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
41	VN000000COM6	VN000A0LAZQ1	COM	NA	Materials - Petroleum JSC	Công ty cổ phần Vật Tư - Xăng Dầu	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
42	VN000000CPC4		CPC	NA	CanTho Pesticides Joint Stock Company	Công ty cổ phần Thuốc sát trùng Cần Thơ	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
43	VN000000CSG9	VN000A0QZ6C6	CSG	NA	Sai Gon Cable Corporation	Công ty cổ phần Cáp Sài Gòn	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
44	VN000000CTB8	VN000A0MQPU8	CTB	NA	Hai Duong Pump Manufacturing JSC	Công ty cổ phần Chế tạo Bơm Hải Dương	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
45	VN000000CTC6	VN000A0Q6XZ9	CTC	NA	Gia Lai Culture - Tourism JSC	Công ty cổ phần Văn hoá Du lịch Gia Lai	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
46	VN000000CTN3	VN000A0MQRD0	CTN	NA	Underground Works Construction JSC	Công ty cổ phần Xây dựng Công trình ngầm	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
47	VN000000CYC6	VN000A0LAZM0	CYC	NA	CHANG YIH Ceramic JSC	Công ty cổ phần Gạch men CHANGYIH	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
48	VN000000DAC4	VN000A0KESA4	DAC	NA	Viglacera Dong Anh JSC	Công ty cổ phần Viglacera Đông Anh	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
49	VN000000DAE0	VN000A0MQPN3	DAE	NA	Educational Book JSC in Da Nang City	Công ty cổ phần Sách giáo dục tại Tp. Đà Nẵng	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
50	VN000000DBC2	VN000A0NFFV8	DBC	NA	Bac Ninh Agricultural Products JSC	Công ty cổ phần DABACO Việt Nam	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
51	VN000000DC49	VN000A0RBHL5	DC4	NA	DIC No. 4 JSC	Công ty cổ phần dic số 4	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
52	VN000000DCC0	VN000A0M9414	DCC	NA	DESCON Construction Corporation	Công ty cổ phần Xây dựng công nghiệp Descon	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
53	VN000000DCL1	VN000A0Q9RT8	DCL	NA	Cuu Long Pharmaceutical JSC	Công ty cổ phần Dược phẩm Cửu Long	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
54	VN000000DCS6	VN000A0M94V7	DCS	NA	Dai Chau JSC	Công ty cổ phần Đại Châu	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
55	VN000000DCT4	VN000A0MLVQ5	DCT	NA	Dong Nai Roofsheets & Construction Material JSC	Công ty cổ phần Tấm lợp vật liệu xây dựng Đồng Nai	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
56	VN000000DDM7	VN000A0Q5U90	DDM	NA	Dong Do Marine JSC	Công ty cổ phần Hàng Hải Đông Đô	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
57	VN000000DHA3	VN000A0B7353	DHA	NA	Hoa An JSC	Công ty cổ phần Hóa An	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
58	VN000000DHG0	VN000A0MLVT9	DHG	NA	Hau Giang Pharmaceutical JSC	Công ty cổ phần dược Hậu Giang	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
59	VN000000DHI6	VN000A0MQPL7	DHI	NA	Dien Hong Printing JSC	Công ty cổ phần In Diên Hồng	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
60	VN000000DHT3	VN000A0RC9G7	DHT	NA	Ha Tay Pharmaceutical JSC	Công ty cổ phần Dược phẩm Hà Tây	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		

61	VN000000DIC7	VN000A0MLVK8	DIC	NA	DIC Investment & Trading JSC	Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại DIC	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
62	VN000000DMC9	VN000A0MLVM4	DMC	NA	DOMESCO Medical Import Export JSC	Công ty cổ phần XNK Y Tế DOMESCO	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
63	VN000000DNP9	VN000A0MLVP7	DNP	NA	Dong Nai Plastic Construction JSC	Công ty cổ phần Nhựa Xây dựng Đồng Nai	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
64	VN000000DPC2	VN000A0KD0M0	DPC	NA	Da Nang Plastic JSC	Công ty cổ phần Nhựa Đà Nẵng	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
65	VN000000DPM1	VN000A0M64Z1	DPM	NA	Petrol Vietnam Fertilizer Chemical Corporation	Công ty cổ phần phân bón và hoá chất dầu khí	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
66	VN000000DPR0	VN000A0M9422	DPR	NA	Dong Phu Rubber JSC	Công ty cổ phần Cao su Đồng Phú	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
67	VN000000DQC0	VN000A0ND7N0	DQC	NA	Dien Quang JSC	Công ty cổ phần Bóng đèn Điện Quang	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
68	VN000000DRC8	VN000A0MLVJ0	DRC	NA	Da Nang Rubber JSC	Công ty cổ phần cao su Đà Nẵng	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
69	VN000000DST0	VN000A0M5MU9	DST	NA	Nam Dinh Book & Educational Equipment JSC	Công ty cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục Nam Định	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
70	VN000000DTC4	VN000A0MQPM5	DTC	NA	Viglacera Dong Trieu JSC	Công ty cổ phần Viglacera Đông Triều	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
71	VN000000DTT8	VN000A0MLVL6	DTT	NA	Do Thanh Technology Corporation	Công ty cổ phần Kỹ nghệ Đô Thành	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
72	VN000000DXP8	VN000A0LA6M9	DXP	NA	Doan Xa Port JSC	Công ty cổ phần Cảng Đoàn Xá	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
73	VN000000DXV6	VN000A0NCVZ3	DXV	NA	Da Nang Construction Building Materials & Cement JSC	Công ty cổ phần XM VLXD XL Đà Nẵng	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
74	VN000000DZM0		DZM	NA	Dzi An Manufacturing Public Limited Company	Công ty cổ phần Chế tạo máy Dзі An	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
75	VN000000EBS6	VN000A0MQPP8	EBS	NA	Educational Book JSC in Hanoi City	Công ty cổ phần Sách Giáo dục tại Thành phố Hà Nội	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
76	VN000000FBT1	VN000A0NAXB4	FBT	NA	Ben Tre Forestry & Aquaproduct Import Export JSC	Công ty cổ phần XNK Lâm Thủy Sản Bến Tre	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
77	VN000000ECI5		ECI	NA	Education Cartography and Illustration Joint Stock Company	Công ty Cổ phần Bản đồ và Tranh ảnh giáo dục	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
78	VN000000FMC4	VN000A0MLWC3	FMC	NA	Sao Ta Foods JSC	Công ty cổ phần thực phẩm Sao Ta	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
79	VN000000FPC7	VN000A0LAZS7	FPC	NA	Full Power JSC	Công ty cổ phần FULL POWER	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
80	VN000000FPT1	VN000A0MLWK6	FPT	NA	FPT Corporation	Công ty cổ phần phát triển đầu tư công nghệ FPT	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
81	VN000000GHA6	VN000A0LA6P2	GHA	NA	Hai Au Paper JSC	Công ty cổ phần HAPACO Hải Âu	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		

82	VN000000GIL1	VN000A0LAZJ6	GIL	NA	Binh Thanh Import Export Production and Trade JSC	Công ty cổ phần SXKD XNK Bình Thạnh	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
83	VN000000GMC2	VN000A0MLWA7	GMC	NA	Sai Gon Garment Manufacturing Trade JSC	Công ty cổ phần sản xuất thương mại may Sài Gòn	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
84	VN000000GMD0	VN000A0KD0R9	GMD	NA	Gemadept Corporation	Công ty cổ phần Gemadept	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
85	VN000000GTA1	VN000A0MX554	GTA	NA	Thuan An Wood Processing JSC	Công ty cổ phần Chế biến gỗ Thuận An	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
86	VN000000HAI2	VN000A0MQPS2	HAI	NA	H.A.I. JSC	Công ty cổ phần Nông Dược HAI	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
87	VN000000HAP7	VN0005423021	HAP	NA	Hapaco Corporation	Công ty cổ phần Giấy Hải Phòng	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
88	VN000000HAS1	VN000A0LAZW9	HAS	NA	Hanoi P&T Construction & Installation JSC	Công ty cổ phần Xây lắp Bưu điện Hà Nội	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
89	VN000000HAX1	VN000A0MLVS1	HAX	NA	Hang Xanh Motors Service JSC	Công ty cổ phần Dịch vụ Ôtô Hàng Xanh	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
90	VN000000HBC3	VN000A0MLVV5	HBC	NA	Hoa Binh Construction & Real Estate Corporation	Công ty cổ phần Xây dựng và Kinh doanh Địa ốc Hoà Bình	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
91	VN000000HBD1	VN000A0MLVD3	HBD	NA	Binh Duong PP Pack Making JSC	Công ty cổ phần Bao bì PP Bình Dương	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
92	VN000000HBE9	VN000A0NEWW4	HBE	NA	Ha Tinh Book & Educational Equipment JSC	Công ty cổ phần Sách - Thiết bị trường học Hà Tĩnh	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
93	VN000000HCC1	VN000A0M98C8	HCC	NA	Hoa Cam Concrete JSC	Công ty cổ phần Bê tông Hoà Cẩm	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
94	VN000000HCT5	VN000A0M8X51	HCT	NA	Hai Phong Cement Transport & Trading JSC	Công ty cổ phần Thương mại Dịch vụ Vận tải Xi măng Hải Phòng	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
95	VN000000HDC9	VN000A0M2WH2	HDC	NA	Ba Ria Vung Tau House Development JSC	Công ty cổ phần Phát triển nhà Bà Rịa Vũng Tàu	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
96	VN000000HEV7	VN000A0M9ZR9	HEV	NA	Higher Educational & Vocational Book JSC	Công ty cổ phần Sách Đại học - Dạy nghề	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
97	VN000000HHC0	VN000A0M7XM9	HHC	NA	Hai Ha Confectionery JSC	Công ty cổ phần Bánh kẹo Hải Hà	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
98	VN000000HJS2	VN000A0MQP91	HJS	NA	Nam Mu Hydropower JSC	Công ty cổ phần Thủy điện Nậm Mu	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
99	VN000000HLA6	VN000A0RB153	HLA	NA	Asia Huu Lien JSC	Công ty cổ phần Hữu Liên Á Châu	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
100	VN000000HLC2		HLC	NA	Ha lam - TKV coal Joint Stock Company	Công ty cổ phần Than Hà Lâm - TKV	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
101	VN000000HLG3		HLG	NA	Hoang Long Group	Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoàng Long	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
102	VN000000HLY6	VN000A0MQPT0	HLY	NA	Viglacera Ha Long I JSC	Công ty cổ phần Viglacera Hạ Long I	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
103	VN000000HMC0	VN000A0MLVW3	HMC	NA	Hochiminh City Metal Corporation	Công ty cổ phần Kim Khí Tp.HCM	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		

104	VN000000HNM7	VN000A0MQPX2	HNM	NA	Hanoimilk JSC	Công ty cổ phần Sữa Hà Nội	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
105	VN000000HPC3	VN000A0MQPW4	HPC	NA	Hai Phong Securities JSC	Công ty cổ phần Chứng khoán Hải Phòng	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
106	VN000000HPG4	VN000A0M7EQ0	HPG	NA	Hoa Phat Group JSC	Công ty cổ phần Tập đoàn Hoà Phát	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
107	VN000000HPS9	VN000A0MQP00	HPS	NA	Hoa Phat Construction Stone JSC	Công ty cổ phần Đá Xây dựng Hoà Phát	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
108	VN000000HRC9	VN000A0MLVU7	HRC	NA	Hoa Binh Rubber JSC	Công ty cổ phần Cao Su Hoà Bình	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
109	VN000000HSC7	VN000A0LA6N7	HSC	DA	Hacinceo JSC	Công ty cổ phần Hacinceo	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
110	VN000000HSG8	VN000A0RDDW7	HSG	NA	Hoa Sen Group JSC	Công ty cổ phần tập đoàn Hoa Sen	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
111	VN000000HSI4	VN000A0M9406	HSI	NA	General Materials Biochemistri Fertilizer JSC	Công ty cổ phần Vật tư tổng hợp và phân bón hóa sinh	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
112	VN000000HT12	VN000A0M61U8	HT1	NA	Ha Tien 1 Cement JSC	Công ty cổ phần Xi măng Hà Tiên 1	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
113	VN000000HT20		HT2	NA	Ha Tien 2 Cement JSC	Công ty cổ phần Xi măng Hà Tiên 2	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
114	VN000000HTP7	VN000A0MQP18	HTP	NA	Hoa Phat Textbook Printing JSC	Công ty cổ phần In Sách giáo khoa Hoà Phát	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
115	VN000000HTV5	VN000A0KDMD3	HTV	NA	Ha Tien Transport JSC	Công ty cổ phần Vận tải Hà Tiên	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
116	VN000000HVT5		HVT	NA	Viet Tri Chemical Joint Stock Company	Công ty cổ phần Hoá chất Việt Tri	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
117	VN000000HUT7	VN000A0NJXW1	HUT	NA	TASCO JSC	Công ty cổ phần TASCO	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
118	VN000000ICF2	VN000A0MQP34	ICF	NA	Investment Commerce Fisheries Corporation	Công ty cổ phần Đầu tư thương mại thủy sản	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
119	VN000000IFS8	VN000A0MLVY9	IFS	NA	Interfood Shareholding Company	Công ty cổ phần thực phẩm quốc tế	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
120	VN000000ICG0		ICG	NA	Song hong Construction Joint Stock Company	Công ty cổ phần Xây dựng Sông Hồng	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
121	VN000000ILC0	VN000A0LA6Q0	ILC	NA	International Labor & Services JSC	Công ty cổ phần Hợp tác lao động với nước ngoài	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
122	VN000000IMP0	VN000A0MLVX1	IMP	NA	Imexpharm Pharmaceutical JSC	Công ty cổ phần Dược phẩm Imexpharm	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
123	VN000000ITA7	VN000A0MKCA1	ITA	NA	Tan Tao Investment Industry Corporation	Công ty cổ phần Đầu tư Khu Công nghiệp Tân Tạo	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
124	VN000000KBC7	VN000A0M9885	KBC	NA	Kinh Bac City Development Share Holding Corporation	Công ty cổ phần Phát triển Đô thị Kinh Bắc	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
125	VN000000KDC3	VN000A0KDMF8	KDC	NA	Kinh Do Corporation	Công ty cổ phần Kinh Đô	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		

126	VN000000KHA8	VN000A0J4CF9	KHA	NA	Khanh Hoi Import Export JSC	Công ty cổ phần XNK Khánh Hội	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
127	VN000000KHP6	VN000A0LA6R8	KHP	NA	Khanh Hoa Power JSC	Công ty cổ phần Điện lực Khánh Hoà	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
128	VN000000KKC8	VN000A0Q8BQ0	KKC	NA	Produce & Trading Metal JSC	Công ty cổ phần Sản xuất và Kinh doanh Kim khí	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
129	VN000000KLS2	VN000A0NCGL4	KLS	NA	Kim Long Securities Corporation	Công ty cổ phần Chứng khoán Kim Long	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
130	VN000000KMF7	VN000A0M94Y1	KMF	NA	Mirae Fiber JSC	Công ty cổ phần Mirae Fiber	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
131	VN000000KMR2		KMR	NA	Mirae Corporation	Công ty cổ phần Mirae	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
132	VN000000KSH0	VN000A0RK1H2	KSH	NA	Ha Nam Mineral JSC	Tổng Công ty cổ phần khoáng sản Hà Nam	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
133	VN000000L102	VN000A0M94Z8	L10	NA	Lilama 10 JSC	Công ty cổ phần Lilama10	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
134	VN000000L185		L18	NA	Investment and Construction JSC No. 18	Công ty cổ phần xây dựng số 18	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
135	VN000000L433	VN000A0Q2787	L43	NA	Lilama No. 45.3 JSC	Công ty cổ phần Lilama 45.3	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
136	VN000000L615	VN000A0RC1E9	L61	NA	69-1 Lilama JSC	Công ty cổ phần Lilama 69-1	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
137	VN000000L623	VN000A0NJXV3	L62	NA	Lilama No. 69-2 JSC	Công ty cổ phần Lilama 69-2	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
138	VN000000LAF0	VN000A0KD0K4	LAF	NA	Long Anh Food Processing Export JSC	Công ty cổ phần Chế biến hàng Xuất khẩu Long A	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
139	VN000000LBE1	VN000A0ND7Q3	LBE	NA	Long An Book and Educational Equipment JSC	Công ty cổ phần Sách và Thiết bị trường học Long An	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
140	VN000000LBM4	VN000A0MLVZ6	LBM	NA	Lam Dong Building Materials JSC	Công ty cổ phần Vật liệu Xây dựng Lâm Đồng	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
141	VN000000LCG4	VN000A0RCWR9	LCG	NA	Licogi 16 JSC	Công ty cổ phần Licogi 16	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
142	VN000000LEC9		LEC	NA	Central Power Real Estate Joint Stock Company	Công ty cổ phần Bất động sản Điện lực Miền Trung	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
143	VN000000LGC4	VN000A0MLV07	LGC	NA	Lu Gia Mechanical Electric JSC	Công ty cổ phần Cơ khí - Điện Lữ Gia	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
144	VN000000LSS5	VN000A0NAXA6	LSS	NA	Lam Son Sugar JSC	Công ty cổ phần Mía Đường Lam Sơn	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
145	VN000000LTC7	VN000A0MQP42	LTC	NA	Low Current - Telecom JSC	Công ty cổ phần Điện nhẹ Viễn thông	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
146	VN000000LUT9	VN000A0NA238	LUT	NA	Luong Tai Construction JSC	Công ty cổ phần Đầu tư Xây dựng Lương Tài	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
147	VN000000MCO6	VN000A0MQP26	MCO	NA	MCO Vietnam JSC	Công ty cổ phần MCO Việt Nam	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		

148	VN000000MCP3	VN000A0MLV15	MCP	NA	My Chau Printing & Packaging Holding Company	Công ty cổ phần In và Bao bì Mỹ Châu	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
149	VN000000MCV1	VN000A0MLVG6	MCV	NA	Cavico Vietnam Mining & Construction JSC	Công ty cổ phần Cavico Việt Nam khai thác mỏ và xây dựng	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
150	VN000000MEC7	VN000A0MQQX0	MEC	NA	Song Da SOMECO JSC	Công ty cổ phần Someco Sông Đà	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
151	VN000000MHC0	VN000A0D94Q6	MHC	NA	Hanoi Maritime Holding Company	Công ty cổ phần Hàng hải Hà Nội	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
152	VN000000MIC8	VN000A0M9877	MIC	NA	Quang Nam Mineral Industry Corporation	Công ty cổ phần Kỹ nghệ Khoáng sản Quảng Nam	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
153	VN000000MKV4	VN000A0RDDV9	MKV	NA	Cai Lay Veterinary Pharmaceutical JSC	Công ty cổ phần Dược Thú y Cai Lậy	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
154	VN000000MMC0	VN000A0Q7B26	MMC	NA	Manganese Mineral JSC	Công ty cổ phần Khoáng sản Mangan	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
155	VN000000MPC3	VN000A0MQP67	MPC	NA	Minh Phu Seafood Corporation	Công ty cổ phần Thủy sản Minh Phú	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
156	VN000000NAV3	VN000A0MLV23	NAV	NA	Nam Viet JSC	Công ty cổ phần Nam Việt	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
157	VN000000NBB3		NBB	NA	NBB Investment Corporation	Công ty cổ phần Đầu tư Năm Bảy Bảy	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
158	VN000000NBC1	VN000A0MQQB6	NBC	NA	VINACOMIN - Nui Beo Coal JSC	Công ty cổ phần Than Núi Béo - TKV	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
159	VN000000NGC0	VN000A0NE099	NGC	NA	Ngo Quyen Export Seafood Processing JSC	Công ty cổ phần chế biến Thủy sản Xuất khẩu Ngô Quyền	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
160	VN000000NHC8	VN000A0KF6R4	NHC	NA	Nhi Hiep Brick-Tile JSC	Công ty cổ phần Gạch ngói Nhi Hiệp	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
161	VN000000NKD0	VN000A0DPS90	NKD	NA	North Kinh Do Food JSC	Công ty cổ phần Chế biến thực phẩm Kinh Đô Miền Bắc	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
162	VN000000NLC0	VN000A0MQP83	NLC	NA	Naloi Hydropower JSC	Công ty cổ phần Thủy điện Nà Lơi	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
163	VN000000NPS7	VN000A0MQQH3	NPS	NA	Phu Thinh - Nha Be Garment JSC	Công ty cổ phần May Phú Thịnh - Nhà Bè	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
164	VN000000NSC5	VN000A0MLV31	NSC	NA	National Seed JSC	Công ty cổ phần Giống Cây trồng TW	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
165	VN000000NST9	VN000A0MQQA8	NST	NA	Ngan Son JSC	Công ty cổ phần Ngân Sơn	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
166	VN000000NTL4	VN000A0M9ZQ1	NTL	NA	Tu Liem Urban Development JSC	Công ty cổ phần Phát triển Đô Thị Từ Liêm	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
167	VN000000NTP5	VN000A0MQRB4	NTP	NA	Tien Phong Plastic JSC	Công ty cổ phần Nhựa Thiều niên Tiên Phong	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
168	VN000000NVC9	VN000A0NCYA0	NVC	NA	Nam Vang JSC	Công ty cổ phần Nam Vang	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
169	VN000000ONE0	VN000A0Q4T78	ONE	NA	ONE Corporation	Công ty cổ phần Truyền thông số 1	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
170	VN000000OPC9	VN000A0RB138	OPC	NA	OPC Pharmaceutical JSC	Công ty cổ phần dược phẩm OPC	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		

171	VN000000PAC8	VN000A0MLVR3	PAC	NA	Dry Cell & Storage Battery JSC	Công ty cổ phần Pin Ấc Quy Miền Nam	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
172	VN000000PAN5	VN000A0MQQC4	PAN	NA	Pan Pacific Corporation	Công ty cổ phần Xuyên Thái Bình	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
173	VN000000PET4	VN000A0LAZ64	PET	NA	Petrovietnam General Services JS Corporation	Tổng Công ty cổ phần Dịch vụ Tổng hợp dầu khí	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
174	VN000000PGC5	VN000A0MY8W5	PGC	NA	Petrolimex Gas JSC	Công ty cổ phần Gas Petrolimex	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
175	VN000000PGS1	VN000A0M7XK3	PGS	NA	Petrovietnam Southern Gas JSC	Công ty cổ phần Kinh doanh khí hoá Lông Miền Nam	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
176	VN000000PIT5	VN000A0LAZ49	PIT	NA	Petrolimex International Trading JSC	Công ty cổ phần Pitco	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
177	VN000000PJC9	VN000A0MQQD2	PJC	NA	Petrolimex Hanoi Transportation & Trading	Công ty cổ phần Thương mại và Vận tải Petrolimex Hà Nội	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
178	VN000000PJT3	VN000A0MJ330	PJT	NA	Petrolimex Joint Stock Tanker Company	Công ty cổ phần Vận Tải Xăng Dầu Đường Thủy	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
179	VN000000PLC5	VN000A0MQQE0	PLC	NA	Petrolimex Petrochemical JSC	Công ty cổ phần Hoá dầu Petrolimex	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
180	VN000000PMS9	VN000A0KF6Q6	PMS	NA	Petroleum Mechanical Stock Company	Công ty cổ phần Cơ khí xăng dầu	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
181	VN000000PNC1	VN000A0J4CG7	PNC	NA	Phuong Nam Cultural JSC	Công ty cổ phần Văn Hóa Phương Nam	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
182	VN000000POT3	VN000A0MQQJ9	POT	NA	Post & Telecommunication Equipment Factory	Công ty cổ phần Thiết bị Bưu điện	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
183	VN000000PPC6	VN000A0LA6S6	PPC	NA	Pha Lai Thermal Power JSC	Công ty cổ phần Nhiệt điện Phá Lại	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
184	VN000000PPG7	VN000A0MQQG5	PPG	NA	Phu Phong Corporation	Công ty cổ phần Sản xuất - Thương mại - Dịch vụ Phú	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
185	VN000000PSC0	VN000A0MQQF7	PSC	NA	Petrolimex Saigon Transportation & Services	Công ty cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Sài Gòn	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
186	VN000000PTC8	VN000A0MQQK7	PTC	NA	Post & Telecommunication Investment & Construction	Công ty cổ phần Xây dựng đầu tư Bưu Điện	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
187	VN000000PTS4	VN000A0MQPV6	PTS	NA	Haiphong Petrolimex Transportation & Services	Công ty cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hải	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
188	VN000000PVC4	VN000A0M7XL1	PVC	NA	Drilling Mud Corporation	Tổng công ty Dung dịch Khoan và Hoá phẩm dầu khí	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
189	VN000000PVD2	VN000A0MLV56	PVD	NA	Petrovietnam Drilling & Well Services JSC	Công ty cổ phần khoan và dịch vụ khoan dầu khí	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
190	VN000000PVE0	VN000A0NAXC2	PVE	NA	Petrovietnam Investment Consultancy & Engineering	Công ty cổ phần Tư vấn Đầu tư và Thiết kế Dầu khí	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
191	VN000000PVF7	VN000A0RB146	PVF	NA	Petrovietnam Finance Joint Stock Corporation	Tổng công ty Tài chính cổ phần dầu khí Việt Nam	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
192	VN000000PVI1	VN000A0MY1Q2	PVI	NA	Petrovietnam Insurance	Tổng Công ty cổ phần Bảo hiểm Dầu khí Việt Nam	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
193	VN000000PVS0	VN000A0M42P8	PVS	NA	Petroleum Technical Services Corporation	Tổng Công ty cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		

194	VN000000PVT8	VN000A0M9DJ3	PVT	NA	Petrovietnam Transportation Corporation	Tổng công ty cổ phần Vận Tải Dầu Khí	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
195	VN000000QNC9	VN000A0NAS20	QNC	NA	Quang Ninh Construction & Cement JSC	Công ty cổ phần Xi măng và Xây dựng Quảng Ninh	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
196	VN000000RAL5	VN000A0MLV64	RAL	NA	Rang Dong Light Source & Vacuum Flask JSC	Công ty cổ phần bóng đèn phích nước Rang Đông	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
197	VN000000RCL1	VN000A0MSY80	RCL	NA	Cholon Real Estate JSC	Công ty cổ phần Địa ốc Chợ Lớn	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
198	VN000000REE2	VN0005416017	REE	NA	Refrigeration Electrical Engineering Corporation	Công ty cổ phần Cơ điện lạnh REE	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
199	VN000000RHC9	VN000A0LAZ80	RHC	NA	Ry Ninh II Hydroelectric JSC	Công ty cổ phần Thủy điện Ry Ninh II	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
200	VN000000RIC7	VN000A0MX570	RIC	NA	Royal International Corporation	Công ty cổ phần Quốc tế Hoàng Gia	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
201	VN000000S123	VN000A0NA5Y4	S12	NA	Song Da 12 JSC	Công ty cổ phần Sông Đà 12	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
202	VN000000S552	VN000A0MQQN1	S55	NA	Song Da 5.05 JSC	Công ty cổ phần Sông Đà 505	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
203	VN000000S644	VN000A0MQQP6	S64	NA	Song Da 6.04 JSC	Công ty cổ phần Sông Đà 6.04	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
204	VN000000S917	VN000A0MQQQ4	S91	NA	Song Da 9.01 JSC	Công ty cổ phần Sông Đà 9.01	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
205	VN000000S966	VN000A0NA5X6	S96	NA	Song Da 9.06 JSC	Công ty cổ phần Sông Đà 9.06	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
206	VN000000S990	VN000A0MQQW2	S99	NA	Song Da 9.09 JSC	Công ty cổ phần Sông Đà 909	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
207	VN000000SAF5	VN000A0MLV72	SAF	NA	SAFOCO Foodstuff JSC	Công ty cổ phần Lương thực Thực phẩm Safoco	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
208	VN000000SAM1	VN0005423013	SAM	NA	Cables & Telecommunications Material	Công ty cổ phần cáp và vật liệu viễn thông	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
209	VN000000SAP4	VN000A0MQPZ7	SAP	NA	Textbook Printing JSC in Ho Chi Minh City	Công ty cổ phần In Sách giáo khoa Tp.HCM	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
210	VN000000SAV2	VN000A0J4CJ1	SAV	NA	SAVIMEX Corporation	Công ty cổ phần Hợp tác Kinh tế & XNK SAVIMEX	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
211	VN000000SBT4	VN000A0NEHK0	SBT	NA	Société De Bourbon Tay Ninh	Công ty cổ phần Bourbon Tây Ninh	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
212	VN000000SC59	VN000A0M23S2	SC5	NA	Construction JSC No. 5	Công ty cổ phần xây dựng số 5	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
213	VN000000SCC8	VN000A0MQQR2	SCC	NA	Song Da Cement JSC	Công ty cổ phần Xi măng Sông Đà	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
214	VN000000SCD6	VN000A0MLVH4	SCD	NA	Chuong Duong Beverages JSC	Công ty cổ phần nước giải khát Chuong Duong	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
215	VN000000SCJ3	VN000A0M1SS9	SCJ	NA	Sai Son Cement JSC	Công ty cổ phần Xi măng Sài Sơn	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
216	VN000000SD25	VN000A0M9NJ2	SD2	NA	Song Da No. 2 JSC	Công ty cổ phần Sông Đà 2	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		

217	VN00000SD33	VN000A0MQQ17	SD3	NA	Song Da No. 3 JSC	Công ty cổ phần Sông Đà 3	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
218	VN00000SD41	VN000A0Q4T60	SD4	NA	Song Da No. 4 JSC	Công ty cổ phần Sông Đà 4	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
219	VN00000SD58	VN000A0MQQV4	SD5	NA	Song Da No. 5 JSC	Công ty cổ phần Sông Đà 5	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
220	VN00000SD66	VN000A0MQQ25	SD6	NA	Song Da No. 6 JSC	Công ty cổ phần Sông Đà 6	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
221	VN00000SD74	VN000A0MQQ33	SD7	NA	Song Da No. 7 JSC	Công ty cổ phần Sông Đà 7	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
222	VN00000SD90	VN000A0MQQ41	SD9	NA	Song Da No. 9 JSC	Công ty cổ phần Sông Đà 9	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
223	VN00000SDA0	VN000A0MQQT8	SDA	NA	Song Da SIMCO JSC	Công ty cổ phần Simco Sông Đà	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
224	VN00000SDC6	VN000A0MQQS0	SDC	NA	Song Da Consulting JSC	Công ty cổ phần Tư vấn Sông Đà	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
225	VN00000SDD4	VN000A0NA9Y6	SDD	NA	Song Da Assembly Construction and Investment JSC	Công ty cổ phần Đầu tư và Xây lắp Sông Đà	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
226	VN00000SDJ1	VN000A0NAXE8	SDJ	NA	Song Da 25 JSC	Công ty cổ phần Sông Đà 25	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
227	VN00000SDN3	VN000A0MLVN2	SDN	NA	Dong Nai Paint Corporation	Công ty cổ phần Sơn Đồng Nai	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
228	VN00000SDP8		SDP	NA	Song Da Trading and Transport Joint Stock	Công ty Cổ phần Thương mại và Vận tải Sông Đà	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
229	VN00000SDS2	VN000A0Q65W6	SDS	NA	Song Da Construction and Investment JSC	Công ty cổ phần Xây lắp và Đầu tư Sông Đà	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
230	VN00000SDT0	VN000A0MQQY8	SDT	NA	Song Da No. 10 JSC	Công ty cổ phần Sông Đà 10	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
231	VN00000SDY0	VN000A0MQQ66	SDY	NA	Song Da Yaly Cement JSC	Công ty cổ phần Xi măng Sông Đà Yaly	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
232	VN00000SFC1	VN000A0D84X3	SFC	NA	Saigon Fuel Company	Công ty cổ phần Nhiên liệu Sài Gòn	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
233	VN00000SFI8	VN000A0MLWD1	SFI	NA	Sea & Air Freight International	Công ty cổ phần Đại lý Vận tải SAFI	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
234	VN00000SFN8	VN000A0MLV80	SFN	NA	Saigon Fishing Net JSC	Công ty cổ phần dệt lưới Sài Gòn	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
235	VN00000SGC9	VN000A0LAZ98	SGC	NA	Sa Giang Import Export Corporation	Công ty cổ phần CNK Sa Giang	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
236	VN00000SGD7	VN000A0MQPQ6	SGD	NA	Educational Book JSC in Ho Chi Minh City	Công ty cổ phần Sách giáo dục tại Tp. HCM	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
237	VN00000SGH8	VN000A0KD0L2	SGH	NA	Saigon Hotel Corporation	Công ty cổ phần Khách sạn Sài Gòn	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
238	VN00000SGT3	VN000A0NBFK0	SGT	NA	Saigon Telecommunication & Technologies Corporation	Công ty cổ phần Viễn Thông Sài Gòn	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
239	VN00000SHC7	VN000A0LA0E9	SHC	NA	Saigon Maritime JSC	Công ty cổ phần Hàng Hải Sài Gòn	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		

240	VN000000SIC5	VN000A0MQQU6	SIC	NA	Song Da Investment - Development JSC	Công ty cổ phần Đầu tư - Phát triển Sông Đà	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
241	VN000000SJ11	VN000A0MLWE9	SJ1	NA	Seafood JSC No. 1	Công ty cổ phần Thủy sản số 1	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
242	VN000000SJC3	VN000A0M8KL6	SJC	NA	Song Da 1.01 JSC	Công ty cổ phần Sông Đà 1.01	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
243	VN000000SJD1	VN000A0MLVE1	SJD	NA	Can Don Hydropower JSC	Công ty cổ phần Thủy điện Cần Đơn	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
244	VN000000SJE9	VN000A0MQQ09	SJE	NA	Song Da No. 11 JSC	Công ty cổ phần Sông Đà 11	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
245	VN000000SJM2	VN000A0NA1T3	SJM	NA	Song Da No. 19 JSC	Công ty cổ phần Sông Đà 19	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
246	VN000000SJS9	VN000A0LA0K6	SJS	NA	Song Da Urban & Industrial Zone Investment & Development JSC	Công ty cổ phần Đầu tư phát triển và KCN Sông Đà	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
247	VN000000SMC7	VN000A0LA0J8	SMC	NA	SMC Investment Trading JSC	Công ty cổ phần đầu tư thương mại SMC	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
248	VN000000SNG6	VN000A0MQQZ5	SNG	NA	Song Da No. 10.1 JSC	Công ty cổ phần Sông Đà 10.1	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
249	VN000000SPP2	VN000A0RADZ6	SPP	NA	Saigon Plastic Packaging JSC	Công ty cổ phần Bao bì nhựa Sài Gòn	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
250	VN000000SRA0	VN000A0NCYB8	SRA	NA	SARA Vietnam JSC	Công ty cổ phần Sara Việt Nam	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
251	VN000000SRB8	VN000A0NG1L4	SRB	NA	SARA JSC	Công ty cổ phần Sara	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
252	VN000000SSC4	VN000A0D94P8	SSC	NA	Southern Seed Corporation	Công ty cổ phần giống cây trồng miền nam	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
253	VN000000SSI1	VN000A0MQQM3	SSI	NA	Saigon Securities Incorporation	Công ty cổ phần CK Sài Gòn	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
254	VN000000SSM3	VN000A0RK1J8	SSM	NA	Steel Structure Manufacture JSC	Công ty cổ phần Chế tạo kết cấu thép VNECO.SSM	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
255	VN000000SSS0	VN000A0MZ4E1	SSS	NA	Song Da 6.06 JSC	Công ty cổ phần Sông Đà 6.06	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
256	VN000000ST84	VN000A0M9216	ST8	NA	Sieu Thanh JSC	Công ty cổ phần Siêu Thanh	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
257	VN000000STB4	VN000A0MLWB5	STB	NA	Saigon Thương Tin Commercial Joint Stock Bank	Ngân Hàng TMCP Sài Gòn Thương Tin	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
258	VN000000STC2	VN000A0MQPF9	STC	NA	Book & Educational Equipment JSC in Ho Chi Minh City	Công ty cổ phần Sách và Thiết bị trường học TP Hồ Chí Minh	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
259	VN000000STL3	VN000A0Q9LF0	STL	NA	Song Da - Thang Long JSC	Công ty cổ phần Sông Đà - Thăng Long	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
260	VN000000STP4	VN000A0MQQ58	STP	NA	Song Da Industry Trade JSC	Công ty cổ phần Công nghiệp Thương mại Sông Đà	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
261	VN000000SVC8	VN000A0MQQL5	SVC	NA	Saigon General Service Corporation	Công ty cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
262	VN000000SZL0	VN000A0Q8WM5	SZL	NA	Sonadezi Long Thanh	Công ty cổ phần Sonadezi Long Thành	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		

263	VN000000TAC0	VN000A0MLWP5	TAC	NA	Tuong An Vegetable Oil JSC	Công ty cổ phần dầu thực vật Tường An	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
264	VN000000TBC8	VN000A0LA6T4	TBC	NA	Thac Ba Hydropower JSC	Công ty cổ phần Thủy điện Thác Bà	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
265	VN000000TBX4	VN000A0RCBQ5	TBX	NA	Thai Binh Cement JSC	Công ty cổ phần Xi măng Thái Bình	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
266	VN000000TC66	VN000A0Q4T86	TC6	NA	Vinacomin Coc Sau Coal JSC	Công ty cổ phần Than cốc sáu	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
267	VN000000TCM5	VN000A0M2450	TCM	NA	Thanh Cong Textile Garment Investment Trading JSC	Công ty cổ phần Dệt may Thành Công	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
268	VN000000TCR4	VN000A0MLWG4	TCR	NA	Taicera Enterprise Company	Công ty cổ phần Công nghiệp Gốm sứ TAICERA	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
269	VN000000TCS2	VN000A0RK3B1	TCS	NA	Vinacomin Cao Son Coal JSC	Công ty cổ phần Than Cao Sơn - TKV	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
270	VN000000TCT0	VN000A0MLWJ8	TCT	NA	Tay Ninh Cable Car Tour Company	Công ty cổ phần cáp treo Núi Bà Tây Ninh	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
271	VN000000TDH3	VN000A0MLWM2	TDH	NA	Thu Duc Housing Development JSC	Công ty cổ phần Phát triển Nhà Thủ Đức	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
272	VN000000TDN1	VN000A0RK3C9	TDN	NA	Vinacomin Deo Nai Coal JSC	Công ty cổ phần Than Đèo Nai - TKV	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
273	VN000000THB7	VN000A0RCWT5	THB	NA	Thanh Hoa Beer JSC	Công ty cổ phần Bia Thanh Hoá	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
274	VN000000THT9	VN000A0RBKV8	THT	NA	Vinacomin - Ha Tu Coal JSC	Công ty cổ phần than Hà Tu - TKV	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
275	VN000000TIE9		TIE	NA	TIE JSC	Công ty cổ phần TIE	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
276	VN000000TJC1	VN000A0M94X3	TJC	NA	Transportation & Trading Services JSC	Công ty cổ phần Dịch vụ Vận tải và Thương mại	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
277	VN000000TKU1	VN000A0LA6V0	TKU	NA	Tung Kuang Industrial JSC	Công ty cổ phần Công nghiệp Tung Kuang	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
278	VN000000TLC7	VN000A0MQQ82	TLC	NA	Thang Long Telecommunications JSC	Công ty cổ phần Viễn thông Thăng Long	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
279	VN000000TLT1	VN000A0MQRG3	TLT	NA	Viglacera Thanglong Ceramic Tiles JSC	Công ty cổ phần Gạch men Viglacera Thăng Long	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
280	VN000000TMC5	VN000A0MLWN0	TMC	NA	Thu Duc Trading & Import Export JSC	Công ty cổ phần Thương mại Xuất Nhập khẩu Thủ Đức	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
281	VN000000TMS1	VN0005421694	TMS	NA	Transforwarding & Warehousing JSC	Công ty cổ phần Kho vận giao nhận Ngoại thương	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
282	VN000000TNA7	VN000A0J4CD4	TNA	NA	Thien Nam Trading Import Export Corporation	Công ty cổ phần Thương mại XNK Thiên Nam	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
283	VN000000TNC3	VN000A0MY8V7	TNC	NA	Thong Nhat Rubber JSC	Công ty cổ phần Cao Su Thống nhất	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
284	VN000000TNG4	VN000A0M8EH7	TNG	NA	TNG Investment and Trading JSC	Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
285	VN000000TPC8	VN000A0M8U62	TPC	NA	Tan Dai Hung Plastic JSC	Công ty cổ phần Nhựa Tân Đại Hưng	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		

286	VN000000TPH7	VN000A0MQPY0	TPH	NA	Hanoi Textbooks Printing JSC	Công ty cổ phần In Sách Giáo khoa tại Tp.Hà Nội	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
287	VN000000TPP0	VN000A0Q9UU0	TPP	NA	Tan Phu Plastic JSC	Công ty cổ phần Nhựa Tân Phú	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
288	VN000000TRA8	VN000A0X78Z8	TRA	NA	Traphaco JSC	Công ty cổ phần Traphaco	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
289	VN000000TRC4	VN000A0MX562	TRC	NA	Tay Ninh Rubber JSC	Công ty cổ phần Cao Su Tây Ninh	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
290	VN000000TRI1	VN000A0KD0P3	TRI	NA	Saigon Beverages JSC	Công ty cổ phần Nước giải khát Sài Gòn	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
291	VN000000TS43	VN000A0KDUE4	TS4	NA	Seafood JSC No. 4	Công ty cổ phần Thủy sản số 4	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
292	VN000000TSC2	VN000A0M2WJ8	TSC	NA	Techno - Agricultural Supplying Joint Stock	Công ty cổ phần nông nghiệp kỹ thuật vật tư Cần Thơ	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
293	VN000000TST6	VN000A0M9TD2	TST	NA	Telecommunication Technical Service JSC	Công ty cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Viễn thông	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
294	VN000000TTC0	VN000A0LA0P5	TTC	NA	Thanh Thanh JSC	Công ty cổ phần Gạch Men Thanh Thanh	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
295	VN000000TTF3	VN000A0NEFY5	TTF	NA	Truong Thanh Furniture Corporation	Công ty cổ phần Tập đoàn kỹ nghệ gỗ Trường Thành	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
296	VN000000TTP2	VN000A0MLWH2	TTP	NA	Tan Tien Plastic Packaging JSC	Công ty cổ phần nhựa bao bì nhựa Tân Tiến	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
297	VN000000TV48	VN000A0Q63T7	TV4	NA	Power Engineering Consulting JSC No.4	Công ty cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 4	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
298	VN000000TVD4		TVD	NA	Vinacomin - Vang Danh coal Joint Stock Company	Công ty cổ phần Than Vàng Danh - TKV	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
299	VN000000TXM1	VN000A0MQPR4	TXM	NA	Gypsum and Cement JSC	Công ty cổ phần Thạch cao Xi măng	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
300	VN000000TYA4	VN000A0J4CH5	TYA	NA	Taya (Vietnam) Electric Wire & Cable JSC	Công ty cổ phần Dây và Cáp Điện Taya Việt Nam	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
301	VN000000UIC1		UIC	NA	Idico Urban and House Development Joint Stock	Công ty cổ phần Đầu tư phát triển nhà và đô thị IDICO	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
302	VN000000UNI8	VN000A0LA0V3	UNI	NA	Vien Lien JSC	Công ty cổ phần Viễn Liên	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
303	VN000000VBH3	VN000A0MQRF5	VBH	NA	Vietronics Binh Hoa JSC	Công ty cổ phần Điện tử Bình Hoà	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
304	VN000000VC13		VC1	NA	Vietnam Construction JSC No. 1	Công ty cổ phần Xây dựng số 1	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
305	VN000000VC21	VN000A0MQRJ7	VC2	NA	Vietnam Construction JSC No. 2	Công ty cổ phần Xây dựng số 2	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
306	VN000000VC39	VN000A0M9ZP3	VC3	NA	Construction JSC No. 3	Công ty cổ phần Xây dựng số 3	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
307	VN000000VC54	VN000A0NBFH6	VC5	NA	Construction JSC No. 5	Công ty cổ phần Xây dựng số 5	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		

308	VN000000VC62	VN000A0NCS85	VC6	NA	Vinaconex 6 JSC	Công ty cổ phần Vinaconex 6	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
309	VN000000VC70	VN000A0NAXF5	VC7	NA	No. 7 Vietnam Construction JSC	Công ty cổ phần Xây dựng Số 7	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
310	VN000000VCG3	VN000A0Q9PL9	VCG	NA	Vietnam Construction and Import-Export Joint Stock	Tổng Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
311	VN000000VCS8	VN000A0M97A4	VCS	NA	Vinaconex Advanced Compound Stone JSC	Công ty cổ phần Đá ốp lát cao cấp Vinaconex	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
312	VN000000VDL1	VN000A0M8X69	VDL	NA	Lam Dong Foodstuffs JSC	Công ty cổ phần Thực Phẩm Lâm Đồng	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
313	VN000000VE11	VN000A0Q8NN2	VE1	NA	VNECO 1 Electricity Construction JSC	Công ty cổ phần Xây dựng điện VNECO1	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
314	VN000000VE94	VN000A0NCYC6	VE9	NA	VNECO 9 Electricity Construction JSC	Công ty cổ phần Xây dựng Điện Vneco 9	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
315	VN000000VFC5	VN000A0LA0X9	VFC	NA	Vinafco JSC	Công ty cổ phần Vinafco	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
316	VN000000VFR3	VN000A0MQRC2	VFR	NA	Transport & Chartering Corporation JSC	Công ty cổ phần Vận tải và Thuê tàu	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
317	VN000000VGP5	VN000A0MLWL4	VGP	NA	The Vegetexco Port JSC	Công ty cổ phần Cảng rau quả	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
318	VN000000VHC1	VN000A0M98D6	VHC	NA	Vinh Hoan Corporation	Công ty cổ phần Vinh Hoàn	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
319	VN000000VHG2	VN000A0NBFJ2	VHG	NA	Viet Han Corporation	Công ty cổ phần Đầu tư và sản xuất Việt Hàn	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
320	VN000000VIC9	VN000A0M1ST7	VIC	NA	Vincom JSC	Công ty cổ phần Vincom	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
321	VN000000VID7	VN000A0MLWQ3	VID	NA	Vien Dong Paper JSC	Công ty cổ phần Giấy Viễn Đông	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
322	VN000000VIP1	VN000A0MJ322	VIP	NA	Vietnam Petroleum Transport JSC	Công ty cổ phần vận tải xăng dầu VIPCO	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
323	VN000000VIS5	VN000A0MLWR1	VIS	NA	Vietnam - Italy Steel JSC	Công ty cổ phần Thép Việt ý	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
324	VN000000VKP7	VN000A0NG3V9	VKP	NA	Viky Plastic JSC	Công ty cổ phần Nhựa Tân Hoà	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
325	VN000000VMC1	VN000A0MQP59	VMC	NA	Machinery Erection & Construction JSC	Công ty cổ phần VIMECO	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
326	VN000000VNA3	VN000A0Q5DB4	VNA	NA	VINASHIP JSC	Công ty cổ phần Vận tải Biển Vinaship	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
327	VN000000VNC9	VN000A0MQRA6	VNC	NA	The Vietnam Superintendence & Inspection JSC	Công ty cổ phần Giám định Vinacontrol	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
328	VN000000VNE5	VN000A0MYGB1	VNE	NA	Vietnam Electricity Construction JSC	Tổng Công ty cổ phần Xây dựng điện Việt Nam	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
329	VN000000VNM8	VN000A0J4CE2	VNM	NA	Vietnam Dairy Products JSC	Công ty cổ phần Sữa Việt Nam	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
330	VN000000VNR7	VN000A0KER95	VNR	NA	Vietnam National Reinsurance Corporation	Tổng Công ty cổ phần Tái bảo hiểm Quốc gia Việt nam	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		

331	VN000000VNS5	VN000A0Q7B18	VNS	NA	Vietnam Sun Corporation	Công ty cổ phần Ánh dương Việt Nam	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
332	VN000000VPK7	VN000A0LA0R1	VPK	NA	Vegetable Oil Packing JSC	Công ty cổ phần Bao bì Dầu thực vật	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
333	VN000000VPL5	VN000A0NCUC4	VPL	NA	Vinpearl Tourism & Trading JSC	Công ty cổ phần Du lịch và Thương mại Vinpearl	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
334	VN000000VSC8	VN000A0M94W5	VSC	NA	Vietnam Container Shipping JSC	Công ty cổ phần Container Việt Nam	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
335	VN000000VSG9	VN000A0Q9Y27	VSG	NA	South Vietnam Container Shipping JSC	Công ty cổ phần Container Phía Nam	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
336	VN000000VSH7	VN000A0LA0Z4	VSH	NA	Vinh Son - Song Hinh Hydropower JSC	Công ty cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
337	VN000000VSP0	VN000A0MQRK5	VSP	NA	Vinashin Petroleum Investment & Transport JSC	Công ty cổ phần Đầu tư và Vận tải Dầu Khí Vinashin	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
338	VN000000VTA0	VN000A0MLWU5	VTA	NA	Vitaly JSC	Công ty cổ phần Vitaly	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
339	VN000000VTB8	VN000A0MLWT7	VTB	NA	Vietronics Tan Binh JSC	Công ty cổ phần Điện tử Tân Bình	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
340	VN000000VTC6	VN000A0LA000	VTC	NA	Telecommunications JSC	Công ty cổ phần Viễn thông VTC	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
341	VN000000VTL7	VN000A0LA6U2	VTL	NA	Thang Long JSC	Công ty cổ phần Thăng Long	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
342	VN000000VTO1	VN000A0M46V7	VTO	NA	Vietnam Tanker JSC	Công ty cổ phần Vận tải xăng dầu VITACO	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
343	VN000000VTS2	VN000A0KESB2	VTS	NA	Viglacera Tu Son JSC	Công ty cổ phần Viglacera Từ sơn	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
344	VN000000VTV6	VN000A0MQPG7	VTV	NA	Cement Materials & Transportation JSC	Công ty cổ phần Vật tư Vận tải Xi măng	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
345	VN000000XMC7	VN000A0NAAJ5	XMC	NA	Vinaconex Xuan Mai Concrete & Construction JSC	Công ty cổ phần Bê tông và Xây dựng Xuân Mai	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
346	VN000000YBC8	VN000A0Q24F8	YBC	NA	Yen Bai Cement and Mineral JSC	Công ty cổ phần Xi măng và khoáng sản Yên Bái	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
347	VN000000YSC2	VN000A0MQRL3	YSC	NA	Yen Son JSC	Công ty cổ phần Yên Sơn	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
348	VN000000VGS9		VGS	NA	Vietnam Germany Steel PIPE Joint Stock Company	Công ty cổ phần ống thép Việt Đức VG PIPE	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
349	VN000000SD82		SD8	NA	Song Da 8 Joint Stock Company	Công ty cổ phần Sông Đà 8	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
350	VN000000AGC7		AGC	NA	An Giang Coffee Joint Stock Company	Công ty cổ phần Cà phê An Giang	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
351	VN000000QST2		QST	NA	Quang Ninh Book and Educational Equipment Joint Stock Company	Công ty cổ phần Sách và thiết bị trường học Quảng Ninh	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
352	VN000000BST4		BST	NA	Binh Thuan Book and Equipment Joint Stock Company	Công ty cổ phần Sách và Thiết bị Bình Thuận	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
353	VN000000VHL2		VHL	NA	Viglacera Ha Long Joint Stock Company	Công ty cổ phần Viglacera Hạ Long.	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		

354	VN000000V119	VN000A0RDXZ8	V11	NA	Viet Nam Construction Joint Stock Company No11	Công ty cổ phần xây dựng số 11	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
355	VN000000PVA8	VN000A0RDXY1	PVA	NA	Petro Viet Nam - Nghe an Construction Joint Stock	Công ty cổ phần Xây dựng Dầu khí Nghệ An	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
356	VN000000SVI5	VN000A0Q68C2	SVI	NA	Bien Hoa Packaging Company	Công ty cổ phần Bao bì Biên Hoà	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
357	VN000000PVG5	VN000A0REAN0	PVG	NA	Petro Viet Nam Northern Gas Joint Stock Company	Công ty cổ phần Kinh doanh Khí hoá lỏng Miền bắc	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
358	VN000000VCC2		VCC	NA	Vinaconex 25 Joint Stock Company	Công ty cổ phần Vinaconex 25	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
359	VN000000QTC6		QTC	NA	Quang nam Transportation Construction Joint Stock	Công ty cổ phần Công trình GTVT Quảng Nam	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
360	VN000000HAG6	VN000A0REAP5	HAG	NA	Hoang Anh Gia Lai Joint Stock Company	Công ty cổ phần Hoàng Anh Gia Lai	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
361	VN000000PTC8		PTC	NA	Post and Telecommunications Investment and Construction	Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bưu điện	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
362	VN000000BCI1		BCI	NA	Binh Chanh Construction and Investment Joint Stock	Công ty cổ phần Đầu tư Xây dựng Bình Chánh	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
363	VN000000PNJ6		PNJ	NA	Phu Nhuan Jewelry Joint Stock Company	Công ty cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
364	VN000000MTG6		MTG	NA	MT Gas Joint Stock Company	Công ty cổ phần MT Gas	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
365	VN000000PTM7		PTM	NA	The Precision Tools and Engineering Plastic Joint	Công ty cổ phần Khuôn mẫu Chính xác và Máy CNC	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
366	VN000000SEB6		SEB	NA	Mien Trung Power Investment and Development	Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Miền Trung	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
367	VN000000SKS7		SKS	NA	Songda Transportation Construction Joint stock	Công ty cổ phần Công trình giao thông Sông Đà	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
368	VN000000SHB9		SHB	NA	Saigon - Hanoi Commercial Joint Stock Bank	Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
369	VN000000HCM0		HCM	NA	Ho Chi Minh City Securities Corporation	Công ty cổ phần Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
370	VN000000VST2		VST	NA	Viet Nam Sea Transport And Chartering Joint Stock	Công ty cổ phần Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
371	VN000000SME3		SME	NA	Vietnam Small and Medium Enterprises Securities	CTCP Chứng khoán SME	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
372	VN000000CLS9		CLS	NA	ChoLon Securities Joint Stock Company	CTCP Chứng khoán Chợ Lớn	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
373	VN000000VDS6		VDS	NA	Viet Dragon Securities Corporation	CTCP Chứng khoán Rồng Việt	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
374	VN000000SHS3		SHS	NA	SaiGon - Hanoi Securities Joint Stock Company	CTCP Chứng khoán Sài Gòn Hà Nội	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
375	VN000000TAS6		TAS	NA	TrangAn Securities Joint Stock Company	CTCP Chứng khoán Tràng An	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
376	VN000000DDN5		DDN	NA	Danang Pharmaceutical - Medical Equipment Joint	CTCP Dược - Thiết bị Y tế Đà Nẵng	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		

377	VN000000PPP8		PPP	NA	PhongPhu Pharmaceutical Joint Stoc	CTCP Dược phẩm Phong Phú	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
378	VN000000HIG9		HIG	NA	HIPT Group Joint Stock Company	CTCP Tập đoàn HIPT	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
379	VN000000TGP9		TGP	NA	TruongPhu Corp	CTCP Trường Phú	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
380	VN000000HNC8		HNC	NA	Huu Nghi Cement Joint Stock Company	CTCP Xi măng Hữu Nghị	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
381	VN000000CFC5		CFC	NA	Cafico VietNam Joint Stock Company	CTCP Cafico Việt Nam	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
382	VN000000S743		S74	NA	Song Da 7.04 Joint Stock Company	CTCP Sông Đà 7.04	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
383	VN000000ABI5		ABI	NA	Vietnam Bank for Agriculture and Rural	CTCP Bảo hiểm Ngân hàng Nông nghiệp	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
384	VN000000APS4		APS	NA	Asia Pacific Securities Joint Stock Company	CTCP CK Châu Á - Thái Bình Dương	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
385	VN000000MDC9		MDC	NA	Vinacomín - Mong Duong Coal Joint Stock Company	CTCP Than Móng Dương - TKV	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
386	VN000000RDP0		RDP	NA	Rang Dong Plastic Joint Stock Company	CTCP Nhựa Rạng Đông	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
387	VN000000VNL0		VNL	NA	Freight Forwarding and Trading Joint Stock Company	CTCP Giao nhận Vận tải và Thương Mại (Vinalink)	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
388	VN000000PPH5		PPH	NA	PhongPhu Home Textile Joint Stock Company	CTCP Dệt Gia dụng Phong Phú	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
389	VN000000PFV7		PFV	NA	PFV Investment and Trading Joint Stock Company	CTCP Đầu tư và thương mại PFV	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
390	VN000000HOM5		HOM	NA	Hoang Mai Cement Joint - Stock Company	CTCP Xi măng Hoàng Mai	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
391	VN000000TMP7		TMP	NA	Thac Mo Hydropower Joint Stock Company	Công ty cổ phần Thủy điện Thác Mơ	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
392	VN000000D2D0		D2D	NA	Industrial Urban Development Joint Stock Company No 2	Công ty cổ phần Phát triển Đô thị Công nghiệp số 2	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
393	VN000000VNT3		VNT	NA	The Foreign Trade Forwarding and Transportation Joint Stock Company	Công ty cổ phần Giao nhận Vận tải Ngoại thương	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
394	VN000000DHC9		DHC	NA	Dong Hai Joint Stock Company of Ben Tre	Công ty cổ phần Đông Hải Bến Tre	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
395	VN000000BVH3		BVH	NA	Bao Viet Holdings	Tập đoàn Bảo Việt	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
396	VN000000VCB4		VCB	NA	Joint Stock Commercial Bank for Foreign Trade of Vietnam	Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
397	VN000000ATA4		ATA	NA	NTACO Co.	Công ty cổ phần NTACO	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		

398	VN000000AAM9		AAM	NA	MeKong Fisheries Joint Stock Company	CTCP Thủy sản Mê Kông	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
399	VN000000NBP3		NBP	NA	Ninh Binh Thermal Power Joint - Stock Company	CTCP Nhiệt điện Ninh Bình	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
400	VN000000KMT8		KMT	NA	Central Vietnam Metal Corporation	CTCP Kim khí Miền Trung	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
401	VN000000CTM5		CTM	NA	VINAICO Investment, Construction and Mining Joint Stock Company	CTCP Đầu tư, Xây dựng và Khai thác Mỏ VINAICO	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
402	VN000000DNT1		DNT	NA	DongNai Tourist Joint Stock Company	CTCP Du lịch Đồng Nai	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
403	VN000000CTC6		CTC	NA	VietNam Bank for Industry and Trade Securities Joint Stock Company	CTCP Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
404	VN000000EID3		EID	NA	HaNoi Education Development and Investment Joint Stock Company	CTCP Đào tạo và Phát triển Giáo dục Hà Nội	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
405	VN000000CSM7		CSM	NA	The Southern Rubber Industry Joint Stock Company	CTCP Công nghiệp Cao su Miền Nam	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
406	VN000000DAB6		DAB	NA	DaiA Commercial Joint Stock Bank	Ngân hàng Thương mại cổ phần Đại Á	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
407	VN000000SED2		SED	NA	PhuongNam Education Investment and Development Joint Stock Company	CTCP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
408	VN000000PHR1		PHR	NA	PhuocHoa Rubber Joint Stock Company	CTCP Cao su Phước Hoà	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
409	VN000000BKC7		BKC	NA	BacKan Mineral Joint Stock Company	CTCP Khoáng sản Bắc Kạn	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
410	VN000000PVX0		PVX	NA	Petro VietNam Construction Joint Stock Company	Tổng CTCP Xây lắp dầu khí VN	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
411	VN000000DIG8		DIG	NA	Development Investment Construction Joint Stock Company	Tổng CTCP Đầu tư Phát triển Xây dựng	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
412	VN000000DAD2		DAD	NA	DaNang Education Investment and Development Joint Stock Company	CTCP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
413	VN000000MAS1		MAS	NA	DaNang Airports Services Joint Stock Company	CTCP Dịch vụ hàng không Sân bay Đà Nẵng	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		

414	VN000000NBS7		NBS	NA	NghêAn Bus Station Joint Stock Company	CTCP Bến xe Nghệ An	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
415	VN000000NAG4		NAG	NA	Nagakawa Việt Nam	CTCP Nagakawa Việt Nam	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
416	VN000000VPH3		VPH	NA	VanPhatHung Corporation	CTCP Vạn Phát Hưng	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
417	VN000000VNI6		VNI	NA	VienNam Land Investment Corporation	CTCP Bất động sản Viên Nam	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
418	VN000000TCO1		TCO	NA	DuyenHai Multi Modal Transport Joint Stock	CTCP Vận tải đa phương thức Duyên Hải	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
419	VN000000SVS4		SVS	NA	Viet Star Securities Corporation	CTCP CK Sao Việt	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
420	VN000000TNM2		TNM	NA	Transportation Import Export and Construction Joint Stock	CTCP Xuất nhập khẩu và Xây dựng công trình	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
421	VN000000DC23		DC2	NA	Development Investment Construction Number 2 Joint Stock Company	CTCP Đầu tư phát triển - Xây dựng (DIC) Số 2	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
422	VN000000VC96		VC9	NA	Construction Joint Stock Company No 9	CTCP Xây dựng Số 9	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
423	VN000000VMG2		VMG	NA	VungTau Petroleum Trading and Service Joint Stock Company	CTCP Thương mại và Dịch vụ Dầu khí Vũng Tàu	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
424	VN000000SDU8		SDU	NA	SongDa Urban Investment Construction and Development Joint Stock Company	CTCP Đầu tư Xây dựng và phát triển Đô thị Sông Đà	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
425	VN000000SRF9		SRF	NA	Seaprodex Refrigeration Industry Corporation	CTCP Kỹ nghệ lạnh	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
426	VN000000MCG2		MCG	NA	VietNam Mechanization Electrification and	CTCP Cơ điện và Xây dựng Việt Nam	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
427	VN000000VNG0		VNG	NA	Vietnam Golf Tourism Joint Stock Company	CTCP Du lịch Golf Việt Nam	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
428	VN000000PHT7		PHT	NA	PhucTien Trade - Manufacture Joint Stock	CTCP Sản xuất và Thương mại Phúc Tiến	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
429	VN000000HDO4		HDO	NA	HungDao Container Joint Stock Company	CTCP Hưng Đạo Container	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
430	VN000000PDC2		PDC	NA	PhuongDong Petroleum Tourism Joint Stock	CTCP Du lịch Dầu khí Phương Đông	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
431	VN000000EFI8		EFI	NA	Education Financial Investment Joint Stock	CTCP Đầu tư Tài chính Giáo dục	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
432	VN000000VPC4		VPC	NA	Vietnam Power Investment Joint Stock Company	CTCP Đầu tư và Phát triển năng lượng	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
433	VN000000PMC3		PMC	NA	Pharmedic Pharmaceutical Medicinal Joint Stock	CTCP Dược phẩm Dược liệu Pharmedic	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		

434	VN000000BED8		BED	NA	Danang Book and School Equipment Joint Stock	CTCP Sách và Thiết bị Trường học Đà Nẵng	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
435	VN000000TV22		TV2	NA	Power Engineering Consulting Joint Stock	CTCP Tư vấn Xây dựng điện 2	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
436	VN000000TIC3		TIC	NA	TayNguyen Electricity Investment Joint Stock	CTCP Đầu tư Điện Tây Nguyên	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
437	VN000000ASP4		ASP	NA	Anpha S.G Petrol Joint Stock Company	CTCP Dầu khí An Pha S.G	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
438	VN000000GGG5		GGG	NA	GiaiPhong Motor Joint Stock Company	CTCP Ôtô Giải Phóng	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
439	VN000000API5		API	NA	Asia - Pasific Investment Joint Stock Company	CTCP Đầu tư Châu Á - Thái Bình Dương	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
440	VN000000GTH6		GTH	NA	ThuaThienHue Construction Joint Stock Company	CTCP Xây dựng - Giao thông Thừa Thiên Huế	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
441	VN000000TMX1		TMX	NA	Cement Trading Joint Stock Company	CTCP Thương mại Xi măng	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
442	VN000000CMI8		CMI	NA	Cavico Industry and Minerals Joint Stock Company	CTCP Cavico Khoáng sản và Công nghiệp	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
443	VN000000LGL5		LGL	NA	LongGiang Investment and Urban Development Joint	CTCP Đầu tư và Phát triển đô thị Long Giang	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
444	VN000000ITC3		ITC	NA	Investment and Trading of Real Estate Joint Stock	CTCP Đầu tư - Kinh doanh nhà	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
445	VN000000DBT6		DBT	NA	BanTre Pharmaceutical Joint Stock Company	CTCP Dược phẩm Bến Tre	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
446	VN000000SDH5		SDH	NA	SongDa Infrastructure Construction Joint Stock	CTCP Xây dựng hạ tầng Sông Đà	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
447	VN000000SRC6		SRC	NA	Saovang Rubber Joint Stock Company	CTCP Cao su Sao Vàng	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
448	VN000000HAD3		HAD	NA	HaNoi - HaiDuong Beer Joint Stock Company	CTCP Bia Hà Nội - Hải Dương	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
449	VN000000ACE2		ACE	NA	AnGiang Centrifugal Concrete Joint Stock Company	CTCP Bê tông Ly tâm An Giang	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
450	VN000000CT33		CT3	NA	Investment and Construction Joint Stock Company No.3	CTCP Đầu tư và Xây dựng Công trình 3	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
451	VN000000EIB7		EIB	NA	VietNam Export Import Commercial Joint Stock Bank	Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
452	VN000000PSP2		PSP	NA	DinhVu Petroleum Service Port Joint Stock Company	CTCP Cảng dịch vụ Dầu khí Đình Vũ	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
453	VN000000CSC8		CSC	NA	ThanhNam Construction and Investment Joint Stock	CTCP Đầu tư và Xây dựng Thành Nam	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
454	VN000000VIT3		VIT	NA	Viglacera TienSon Joint Stock Company	CTCP Viglacera Tiên Sơn	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		

455	VN000000PHC3		PHC	NA	Contrexim - PhuocHung Investment Construction and Import - Export Joint Stock Company	CTCP Đầu tư Xây dựng và Xuất nhập khẩu Phục Hưng - Contrexim	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
456	VN000000IME4		IME	NA	Mechanical and Industrial Construction Joint Stock	CTCP Cơ khí và Xây lắp Công nghiệp	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
457	VN000000TTR8		TTR	NA	Tourism Trade and Investment Joint Stock	CTCP Du lịch Thương mại và Đầu tư	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
458	VN000000CVT6		CVT	NA	CMC Joint Stock Company	Công ty cổ phần CMC	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
459	VN000000GDT5		GDT	NA	DucThanh Wood Processing Joint Stock Company	CTCP Chế biến gỗ Đức Thành	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
460	VN000000MSN4		MSN	NA	Ma San Group Corporation	CTCP Tập đoàn Ma San	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
461	VN000000V127		V12	NA	Vietnam Construction Joint Stock Company No 12	CTCP Xây dựng số 12	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
462	VN000000ITD1		ITD	NA	Innovative Technology Development Corporation	CTCP Công nghệ Tiên Phong	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
463	VN000000BXH9		BXH	NA	HaiPhong Cement Packing Joint Stock Company	CTCP Bao bì Xi măng Hải Phòng	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
464	VN000000PTP0		PTP	NA	Post Printing and Telecommunication Services Joint Stock Company	CTCP Dịch vụ Viễn thông và In bưu điện	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
465	VN000000PTG9		PTG	NA	PhanThiet Garmen Import - Export Joint Stock Company	CTCP May Xuất khẩu Phan Thiết	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
466	VN000000BMJ8		BMJ	NA	Becamex Mineral Joint Stock Company	CTCP Khoáng sản Becamex	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
467	VN000000TV30		TV3	NA	Power Engineering Consulting Joint Stock Company 3	CTCP Tư vấn Xây dựng điện 3	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
468	VN000000HVG2		HVG	NA	HungVuong Corporation	CTCP Hùng Vương	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
469	VN000000TIX9		TIX	NA	TanBinh Import - Export Joint Stock Corporation	CTCP Sản xuất Kinh doanh Xuất nhập khẩu Dịch vụ và Thương mại	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
470	VN000000VNX5		VNX	NA	National Trade Fair and Advertising Joint Stock	CTCP Quảng cáo và Hội chợ Thương mại	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
471	VN000000BTP0		BTP	NA	BaRia Thermal Power Joint Stock Company	CTCP Nhiệt điện Bà Rịa	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
472	VN000000PGD3		PGD	NA	Petro VietNam Low Pressure Gas Distribution Joint Stock	CTCP Phân phối khí Thấp áp Dầu khí Việt Nam	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
473	VN000000TMW3		TMW	NA	TanMai General Wood Joint Stock Company	CTCP Tổng hợp gỗ Tân Mai	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		

474	VN000000GLT8		GLT	NA	Global Electrical Technologies Corporation	CTCP Kỹ thuật điện Toàn Cầu	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
475	VN000000DBM1		DBM	NA	Dak Lak Pharmaceutical Medical Equipment Joint Stock Company	CTCP Dược - Vật tư Y tế Đắk Lắk	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
476	VN000000MHL1		MHL	NA	MinhHuuLien Joint Stock Company	CTCP Minh Hữu Liên	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
477	VN000000TKC9		TKC	NA	Tanky Construction Real Estate Trading Corporation	CTCP Xây dựng và Kinh doanh Địa ốc Tân Kỳ	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
478	VN000000LM39		LM3	NA	Lilama 3 Joint Stock Company	CTCP Lilama3	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
479	VN000000DVP2		DVP	NA	DinhVu Port Investment and Development Joint Stock Company	CTCP Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
480	VN000000ACC6		ACC	NA	Becamex Asphalt and Concrete Joint Stock Company	CTCP Bê tông Becamex	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
481	VN000000DNC7		DNC	NA	Haiphong Electricity Water Machine Assembly Joint Stock Company	CTCP Điện nước lắp máy Hải phòng	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
482	VN000000VIG0		VIG	NA	Vietnam Industrial and Commercial Securities Company	CTCP chứng khoán Thương mại và Công nghiệp Việt Nam	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
483	VN000000AGR5		AGR	NA	Agribank Securities Joint Stock Company	CTCP chứng khoán Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
484	VN000000HGM1		HGM	NA	HaGiang Mineral and Mechanics Joint Stock Company	CTCP Cơ khí và Khoáng sản Hà Giang	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
485	VN000000WSS2		WSS	NA	Wall Street Securities Company	CTCP chứng khoán Phố Wall	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
486	VN000000MAC5		MAC	NA	Marine Supply and Engineering Joint Stock Company	CTCP Cung ứng và Dịch vụ Kỹ thuật Hàng hải	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
487	VN000000PGT9		PGT	NA	SaiGon Petrolimex Gas Joint Stock Company	CTCP Taxi Gas Sài Gòn Petrolimex	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
488	VN000000UDJ7		UDJ	NA	Becamex Urban Development Joint Stock Company	CTCP Phát triển Đô thị	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
489	VN000000LO52		LO5	NA	Lilama 5 Joint Stock Company	CTCP Lilama5	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
490	VN000000DID5		DID	NA	DIC-DongTien Joint Stock Company	CTCP DIC-Đồng Tiến	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
491	VN000000SHN4		SHN	NA	HaNoi Investment General Corporation	CTCP Đầu tư Tổng hợp Hà Nội	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
492	VN000000CKV5		CKV	NA	Post and Telecommunication Trading Joint Stock Company	CTCP Thương mại Bưu chính Viễn Thông	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
493	VN000000V150		V15	NA	Vinaconex No 15 Joint Stock Company	CTCP Xây dựng số 15	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		

494	VN000000SQC8		SQC	NA	SaiGon - QuyNhon Mining Corporation	CTCP Khoáng sản Sài Gòn - Quy Nhon	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
495	VN000000CDG1		CDG	NA	CauDuong Joint Stock Company	CTCP Cầu Đuống	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
496	VN000000SDG7		SDG	NA	Sadico CanTho Joint Stock Corporation	CTCP Sadico Cần Thơ	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
497	VN000000L441		L44	NA	Lilama 45.4 Joint Stock Company	CTCP Lilama 45.4	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
498	VN000000TCL7		TCL	NA	TanCang Logistic and Stevedoring Joint Stock Company	CTCP Đại lý Giao nhận Vận tải Xếp dỡ Tân Cảng	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
499	VN000000KSB3		KSB	NA	BinhDuong Mineral and Construction Joint Stock Company	CTCP Khoáng sản và Xây dựng Bình Dương	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
500	VN000000DVD8		DVD	NA	VienDong Pharmaceutical Joint Stock Company	CTCP Dược phẩm Viễn Đông	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
501	VN000000CTD4		CTD	NA	Cotec Construction Joint Stock Company	CTCP Xây dựng Cotec	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
502	VN000000ASM1		ASM	NA	SaoMai Construction Corporation	CTCP Đầu tư và Xây dựng Sao Mai tỉnh An Giang	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
503	VN000000SEC4		SEC	NA	GiaLai Cane Sugar Thermoec Joint Stock Company	CTCP Mía đường - Nhiệt điện Gia Lai	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
504	VN000000VQC2		VQC	NA	Vinacomin Quacontrol Joint Stock Company	CTCP Giám định TKV	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
505	VN000000SHI4		SHI	NA	SonHa International Corporation	CTCP Quốc tế Sơn Hà	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
506	VN000000IHK1		IHK	NA	Aviation Printing Joint Stock Company	CTCP In Hàng không	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
507	VN000000AMV5		AMV	NA	American Vietnamese Biotech Inc	CTCP Sản xuất kinh doanh dược và trang thiết bị Y tế Việt Mỹ	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
508	VN000000VIX5		VIX	NA	Vincom Securites Joint Stock Company	CTCP Chứng khoán Vincom	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
509	VN000000DGT5		DGT	NA	Dona Transportation Construction Joint Stock Company	CTCP Công trình Giao thông Đồng Nai	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
510	VN000000HPL4		HPL	NA	CanTho land Vehicle, Ship and Ferry landing Service Joint Stock Company	CTCP Bến xe Tàu phà Cần Thơ	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
511	VN000000BDB4		BDB	NA	BinhDinh Book and Equipment Joint Stock Company	CTCP Sách và thiết bị Bình Định	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
512	VN000000SNC5		SNC	NA	NamCan Aquatic Products Import Export Joint Stock Company	CTCP Xuất nhập khẩu Thủy sản Năm Căn	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		

513	VN000000HST1		HST	NA	HungYen Book and Educational Equipment Joint Stock Company	CTCP Phát hành sách và Thiết bị trường học Hưng Yên	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
514	VN000000FDC3		FDC	NA	Foreign Trade Development and Investment	CTCP Ngoại thương và Phát triển Đầu tư Tp. HCM	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
515	VN000000KSS7		KSS	NA	NaRa Hamico Minerals Joint Stock Company	Tổng CTCP Khoáng sản Na Ri Hamico	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
516	VN000000AGD5		AGD	NA	GoDang Seafood Joint Stock Company	CTCP Gò Đàng	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
517	VN000000HDM8		HDM	NA	Hue Textile Joint Stock Company	CTCP Dệt - May Huế	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
518	VN000000CAT0		CAT	NA	CaMau Seafood Joint Stock Company	CTCP Thủy sản Cà Mau	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
519	VN000000NT22		NT2	NA	PetroVietNam Power Nhon Trach 2 Joint Stock Company	CTCP Điện lực Dầu khí Nhon Trạch 2	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
520	VN000000KBE3		KBE	NA	KienGiang Book and Equipment Joint Stock Company	CTCP Sách - Thiết bị trường học Kiên Giang	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
521	VN000000HPP5		HPP	NA	HaiPhong Paint Joint Stock Company	CTCP Sơn Hải Phòng	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
522	VN000000TAG1		TAG	NA	TranAnh Digital World Joint Stock Company	CTCP Thế giới số Trần Anh	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
523	VN000000HHL1		HHL	NA	HongHa - LongAn Joint Stock Company	CTCP Hồng Hà - Long An	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
524	VN000000LHC2		LHC	NA	LamDong Investment and Hydraulic Construction Joint Stock Company	CTCP Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi Lâm Đồng	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
525	VN000000CKI2		CKI	NA	Printing Mechanical Joint Stock Company	CTCP Cơ khí Ngành In	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
526	VN000000HFC4		HFC	NA	Hanoi Fuel and Petrol Joint Stock Company	CTCP Xăng dầu Chất đốt Hà Nội	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
527	VN000000NHW6		NHW	NA	NgoHan Joint Stock Company	CTCP Ngô Han	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
528	VN000000INN3		INN	NA	Agriculture Printing and Packing Joint Stock Company	CTCP Bao bì và In Nông nghiệp	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
529	VN000000TVG7		TVG	NA	Transport Investment and Construction consultant Joint Stock Company	CTCP Tư vấn Đầu tư và Xây dựng Giao thông Vận tải	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
530	VN000000TTG1		TTG	NA	Thanh Tri Garment Joint Stock Company	CTCP May Thanh Tri	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
531	VN000000CMG2		CMG	NA	CMC Corporation	CTCP Tập đoàn Công nghệ CMC	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
532	VN000000ADP6		ADP	NA	Adong Paint Joint Stock Company	CTCP Sơn Á Đông	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		

533	VN000000VKD3		VKD	NA	KhanhHoa Mineral Water Joint Stock Company	CTCP Nước khoáng Khánh Hoà	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
534	VN000000BTW6		BTW	NA	BenThanh Water Supply Joint Stock Company	CTCP Cấp nước Bến Thành	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
535	VN000000PTH7		PTH	NA	Petrolimex HaTay Transportation and Service Joint Stock Company	CTCP Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
536	VN000000VHF4		VHF	NA	VinhHa Food Processing and Construction Joint Stock Company	CTCP Xây dựng và Chế biến lương thực Vinh Hà	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
537	VN000000HDG0		HDG	NA	HaDo Joint Stock Company	CTCP Hà Đô	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
538	VN000000TMT9		TMT	NA	TMT Automobile Joint Stock Company	CTCP Ô tô TMT	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
539	VN000000CMT5		CMT	NA	Information and Networking Technology Joint Stock Company	CTCP Công nghệ Mạng và Truyền thông	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
540	VN000000MNC8		MNC	NA	MaiLinh Corporation In Northern Central	CTCP Tập đoàn Mai Linh Bắc Trung Bộ	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
541	VN000000CH52		CH5	NA	HaNoi Construction Joint Stock Company No 5	CTCP Xây dựng số 5 Hà Nội	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
542	VN000000KDH2		KDH	NA	KhangDien House Trading and Investment Joint Stock Company	CTCP Đầu tư và Kinh doanh Nhà Khang Điền	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
543	VN000000VT14		VT1	NA	BenThanh Material Joint Stock Company	CTCP Vật tư Bến Thành	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
544	VN000000VDN7		VDN	NA	Vinatex DaNang Joint Stock Company	CTCP Vinatex Đà Nẵng	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
545	VN000000APC8		APC	NA	AnPhu Irradiation Joint Stock Company	CTCP Chiếu xạ An Phú	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
546	VN000000REM5		REM	NA	VietNam Joint Stock Company for Restoration of monuments and Cultural Equipments	CTCP Tu bổ Di tích và Thiết bị Văn hoá Trung Ương	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
547	VN000000H228		H22	NA	HaNoi Housing Development and Investment Joint Stock Company 22	CTCP Đầu tư và Phát triển Nhà Hà Nội 22	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
548	VN000000CTI3		CTI	NA	CuongThuan IDICO Development Investment Corporation	CTCP Đầu tư Phát triển Cường Thuận IDICO	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
549	VN000000GEC9		GEC	NA	Gang thép Engineering Joint Stock Company	CTCP Cơ khí Gang thép	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
550	VN000000MLG3		MLG	NA	MaiLinh Group Corporation	CTCP Tập đoàn Mai Linh	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		

551	VN000000PSB2		PSB	NA	SaoMai - BenDinh Petroleum Investment Corporation	CTCP Đầu tư Dầu khí Sao Mai - Bến Đình	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
552	VN000000CTT0		CTT	NA	Vinacomin - Machinery Joint Stock Company	CTCP Chế tạo máy - TKV	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
553	VN000000TLG8		TLG	NA	ThienLong Group Corporation	CTCP Tập đoàn Thiên Long	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
554	VN000000L359		L35	NA	Erection Mechanical Joint Stock Company	CTCP Cơ khí lắp máy Lilama	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
555	VN000000HPT7		HPT	NA	HPT VietNam Corporation	CTCP Dịch vụ Công nghệ Tin học HPT	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
556	VN000000DL14		DL1	NA	DucLong GiaLai Investment and Development of Public Project Service Joint Stock Company	CTCP Đầu tư Phát triển dịch vụ công trình công cộng Đức Long Gia Lai	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
557	VN000000TBT2		TBT	NA	BenTre Transportation Works Construction Joint Stock Company	CTCP Xây dựng Công trình Giao thông Bến Tre	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
558	VN000000VBC4		VBC	NA	Vinh Plastic and Bags Joint Stock Company	CTCP Nhựa - Ba bì Vinh	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
559	VN000000DSG7		DSG	NA	Viglacera DapCau Sheet Glass Joint Stock Company	CTCP Kính Viglacera Đáp Cầu	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
560	VN000000NVN6		NVN	NA	House VietNam Joint Stock Company	CTCP Nhà Việt Nam	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
561	VN000000PSL1		PSL	NA	PhuSon Livestock Joint Stock Company	CTCP Chăn nuôi Phú Sơn	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		
562	VN000000IMT2		IMT	NA	HoChiMinh City General Import Export and Investment Joint Stock Company	CTCP Xuất nhập khẩu Tổng hợp và Đầu tư Tp. Hồ Chí Minh	CỔ PHIẾU/ SHARES	10000	VN	VND		

II. CHỨNG CHỈ QUỸ/ FUND CERTIFICATES

563	VN000MAFPF14	VN000A0NA253	MAFPF1	NA	Manulife Progressive Fund	Chứng chỉ quỹ Đầu tư tăng trưởng Manulife	CHỨNG CHỈ QUỸ/ FUND CERTIFICATES	10000	VN	VND		
564	VN000PRUBF19	VN000A0MY8X3	PRUBF1	NA	Prudential Balanced Fund	CT Quản lý Quỹ Prudential VN	CHỨNG CHỈ QUỸ/ FUND CERTIFICATES	10000	VN	VND		
565	VN000VFMVF11	VN000A0D9CD9	VFMVF1	NA	Vietnam Investment Fund	Chứng chỉ Quỹ đầu tư chứng khoán Việt Nam	CHỨNG CHỈ QUỸ/ FUND CERTIFICATES	10000	VN	VND		
566	VN000VFMVF45		VFMVF4	NA	Vietnam Blue-Chips Fund	Công ty Liên Doanh Quản lý Quỹ VFM	CHỨNG CHỈ QUỸ/ FUND CERTIFICATES	10000	VN	VND		

III. TRÁI PHIẾU CÔNG TY/ CORPORATE BONDS

567	VN0VE0611014		VE061101	NA	Vietnam Electricity	Tập đoàn Điện lực Việt Nam	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND		V
568	VN0VE0611022		VE061102	NA	Vietnam Electricity	Tập đoàn Điện lực Việt Nam	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.096000	F

569	VN0PV0609022		PV060902	DA	PetroVietnam Finance Corporation (PVFC)	Tổng công ty Tài chính cổ phần dầu khí Việt Nam	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND		V
570	VN00BID11063		BID1_106	NA	Development & Investment Bank of Vietnam	Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.098000	F
571	VN00BID12061		BID1_206	NA	Development & Investment Bank of Vietnam	Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.102000	F
572	VN0BID101062		BID10106	NA	Development & Investment Bank of Vietnam	Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.093600	F
573	VN0BID101070		BID10107	NA	Development & Investment Bank of Vietnam	Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.081500	F
574	VN0BID102060		BID10206	NA	Development & Investment Bank of Vietnam	Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.095000	F
575	VN0BID103068		BID10306	NA	Development & Investment Bank of Vietnam	Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.101000	F
576	VN0BID104066		BID10406	NA	Development & Investment Bank of Vietnam	Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.104500	F
577	VN0VEC108019		VEC10801	NA	Vietnam Expressway Corporation	Công ty Đầu tư Phát triển đường cao tốc Việt Nam	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.160000	F
578	VN0VEC108027		VEC10802	NA	Vietnam Expressway Corporation	Công ty Đầu tư Phát triển đường cao tốc Việt Nam	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.090000	F
579	VN0VEC108035		VEC10803	NA	Vietnam Expressway Corporation	Công ty Đầu tư Phát triển đường cao tốc Việt Nam	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.089900	F
580	VN0VEC108043		VEC10804	NA	Vietnam Expressway Corporation	Công ty Đầu tư Phát triển đường cao tốc Việt Nam	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.090000	F
581	VN0VEC109058		VEC10905	NA	Vietnam Expressway Corporation	Công ty Đầu tư Phát triển đường cao tốc Việt Nam	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.085000	F
582	VN0VBS109038		VBS10903	NA	Vietnam Bank For Social Policies	Ngân hàng Chính sách xã hội	TRÁI PHIẾU CÔNG TY/ CORPORATE BONDS	100,000	VN	VND	0.087000	F
583	VN0VBS109046		VBS10904	NA	Vietnam Bank For Social Policies	Ngân hàng Chính sách xã hội	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.090000	F
584	VN0VEC107128		VEC10712	NA	Vietnam Expressway Corporation	Công ty Đầu tư Phát triển đường cao tốc Việt Nam	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.090000	F

IV. TRÁI PHIẾU CHÍNH PHỦ/ GOVERNMENT BONDS

585	VN0CP0611028		CP061102	NA	State Treasury - Ministry of Finance	Kho bạc Nhà nước - Bộ Tài chính	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.087500	F
586	VN0CP0611036		CP061103	NA	State Treasury - Ministry of Finance	Kho bạc Nhà nước - Bộ Tài chính	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.087500	F
587	VN0CP0611044		CP061104	NA	State Treasury - Ministry of Finance	Kho bạc Nhà nước - Bộ Tài chính	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.087300	F
588	VN0CP0611051		CP061105	NA	State Treasury - Ministry of Finance	Kho bạc Nhà nước - Bộ Tài chính	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.087250	F
589	VN0CP0611069		CP061106	NA	State Treasury - Ministry of Finance	Kho bạc Nhà nước - Bộ Tài chính	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.087200	F
590	VN0CP0611077		CP061107	NA	State Treasury - Ministry of Finance	Kho bạc Nhà nước - Bộ Tài chính	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.087000	F

591	VN0CP0611085		CP061108	NA	State Treasury - Ministry of Finance	Kho bạc Nhà nước - Bộ Tài chính	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.086700	F
592	VN0CP0611093		CP061109	NA	State Treasury - Ministry of Finance	Kho bạc Nhà nước - Bộ Tài chính	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.086300	F
593	VN0CP0611101		CP061110	NA	State Treasury - Ministry of Finance	Kho bạc Nhà nước - Bộ Tài chính	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.082500	F
594	VN0CP0611119		CP061111	NA	State Treasury - Ministry of Finance	Kho bạc Nhà nước - Bộ Tài chính	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.083900	F
595	VN0CP0611127		CP061112	NA	State Treasury - Ministry of Finance	Kho bạc Nhà nước - Bộ Tài chính	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.082500	F
596	VN0CP0611135		CP061113	NA	State Treasury - Ministry of Finance	Kho bạc Nhà nước - Bộ Tài chính	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.082500	F
597	VN0CP0611143		CP061114	NA	State Treasury - Ministry of Finance	Kho bạc Nhà nước - Bộ Tài chính	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.084000	F
598	VN0CP0611150		CP061115	NA	State Treasury - Ministry of Finance	Kho bạc Nhà nước - Bộ Tài chính	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.084000	F
599	VN0CP0611168		CP061116	NA	State Treasury - Ministry of Finance	Kho bạc Nhà nước - Bộ Tài chính	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.083900	F
600	VN0CP0611176		CP061117	NA	State Treasury - Ministry of Finance	Kho bạc Nhà nước - Bộ Tài chính	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.084000	F
601	VN0CP0611192		CP061119	NA	State Treasury - Ministry of Finance	Kho bạc Nhà nước - Bộ Tài chính	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.083900	F
602	VN0CP0611218		CP061121	NA	State Treasury - Ministry of Finance	Kho bạc Nhà nước - Bộ Tài chính	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.083800	F
603	VN0CP0611226		CP061122	NA	State Treasury - Ministry of Finance	Kho bạc Nhà nước - Bộ Tài chính	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.083300	F
604	VN0CP0611234		CP061123	NA	State Treasury - Ministry of Finance	Kho bạc Nhà nước - Bộ Tài chính	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.083600	F
605	VN0CP0611242		CP061124	NA	State Treasury - Ministry of Finance	Kho bạc Nhà nước - Bộ Tài chính	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.082000	F
606	VN0CP0611259		CP061125	NA	State Treasury - Ministry of Finance	Kho bạc Nhà nước - Bộ Tài chính	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.081900	F
607	VN0CP0611267		CP061126	NA	State Treasury - Ministry of Finance	Kho bạc Nhà nước - Bộ Tài chính	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.082000	F
608	VN0CP0613180		CP061318	NA	State Treasury - Ministry of Finance	Kho bạc Nhà nước - Bộ Tài chính	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.085500	F
609	VN0CP0613206		CP061320	NA	State Treasury - Ministry of Finance	Kho bạc Nhà nước - Bộ Tài chính	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.085500	F
610	VN0CP0613271		CP061327	NA	State Treasury - Ministry of Finance	Kho bạc Nhà nước - Bộ Tài chính	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.083600	F
611	VN0CP0616019		CP061601	NA	State Treasury - Ministry of Finance	Kho bạc Nhà nước - Bộ Tài chính	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.089500	F
612	VN0CP0712016		CP071201	NA	State Treasury - Ministry of Finance	Kho bạc Nhà nước - Bộ Tài chính	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.079000	F
613	VN0CP0712024		CP071202	NA	State Treasury - Ministry of Finance	Kho bạc Nhà nước - Bộ Tài chính	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.082000	F

614	VN0CP0712032		CP071203	NA	State Treasury - Ministry of Finance	Kho bạc Nhà nước - Bộ Tài chính	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.077000	F
615	VN0CP0712040		CP071204	NA	State Treasury - Ministry of Finance	Kho bạc Nhà nước - Bộ Tài chính	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.076700	F
616	VN0CP0712057		CP071205	NA	State Treasury - Ministry of Finance	Kho bạc Nhà nước - Bộ Tài chính	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.076200	F
617	VN0CP0712065		CP071206	NA	State Treasury - Ministry of Finance	Kho bạc Nhà nước - Bộ Tài chính	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.076900	F
618	VN0CP0712073		CP071207	NA	State Treasury - Ministry of Finance	Kho bạc Nhà nước - Bộ Tài chính	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.075400	F
619	VN0CP0712081		CP071208	NA	State Treasury - Ministry of Finance	Kho bạc Nhà nước - Bộ Tài chính	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.072000	F
620	VN0CP0712099		CP071209	NA	State Treasury - Ministry of Finance	Kho bạc Nhà nước - Bộ Tài chính	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.078000	F
621	VN0CP0712107		CP071210	NA	State Treasury - Ministry of Finance	Kho bạc Nhà nước - Bộ Tài chính	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.075000	F
622	VN0CP0712115		CP071211	NA	State Treasury - Ministry of Finance	Kho bạc Nhà nước - Bộ Tài chính	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.065000	F
623	VN0CP0712131		CP071213	NA	State Treasury - Ministry of Finance	Kho bạc Nhà nước - Bộ Tài chính	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.070000	F
624	VN0CP0712156		CP071215	NA	State Treasury - Ministry of Finance	Kho bạc Nhà nước - Bộ Tài chính	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.070000	F
625	VN0CP0712172		CP071217	NA	State Treasury - Ministry of Finance	Kho bạc Nhà nước - Bộ Tài chính	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.071500	F
626	VN0CP0712180		CP071218	NA	State Treasury - Ministry of Finance	Kho bạc Nhà nước - Bộ Tài chính	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.070500	F
627	VN0CP0712198		CP071219	NA	State Treasury - Ministry of Finance	Kho bạc Nhà nước - Bộ Tài chính	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.071500	F
628	VN0CP0712206		CP071220	NA	State Treasury - Ministry of Finance	Kho bạc Nhà nước - Bộ Tài chính	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.071500	F
629	VN0CP0712214		CP071221	NA	State Treasury - Ministry of Finance	Kho bạc Nhà nước - Bộ Tài chính	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.070000	F
630	VN0CP0712222		CP071222	NA	State Treasury - Ministry of Finance	Kho bạc Nhà nước - Bộ Tài chính	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.072500	F
631	VN0CP0712230		CP071223	NA	State Treasury - Ministry of Finance	Kho bạc Nhà nước - Bộ Tài chính	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.074000	F
632	VN0CP0712248		CP071224	NA	State Treasury - Ministry of Finance	Kho bạc Nhà nước - Bộ Tài chính	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.073500	F
633	VN0CP0712255		CP071225	NA	State Treasury - Ministry of Finance	Kho bạc Nhà nước - Bộ Tài chính	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.073800	F
634	VN0CP0714129		CP071412	NA	State Treasury - Ministry of Finance	Kho bạc Nhà nước - Bộ Tài chính	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.070400	F
635	VN0CP0714145		CP071414	NA	State Treasury - Ministry of Finance	Kho bạc Nhà nước - Bộ Tài chính	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.072000	F
636	VN0CP0714160		CP071416	NA	State Treasury - Ministry of Finance	Kho bạc Nhà nước - Bộ Tài chính	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.073000	F

637	VN00CP101041		CP1_0104	DA	State Treasury - Ministry of Finance	Kho bạc Nhà nước - Bộ Tài chính	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.083500	F
638	VN00CP102049		CP1_0204	DA	State Treasury - Ministry of Finance	Kho bạc Nhà nước - Bộ Tài chính	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.084000	F
639	VN00CP103047		CP1_0304	DA	State Treasury - Ministry of Finance	Kho bạc Nhà nước - Bộ Tài chính	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.084000	F
640	VN00CP104045		CP1_0404	DA	State Treasury - Ministry of Finance	Kho bạc Nhà nước - Bộ Tài chính	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.084000	F
641	VN00CP105026		CP1_0502	NA	State Treasury - Ministry of Finance	Kho bạc Nhà nước - Bộ Tài chính	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.080000	F
642	VN00CP105042		CP1_0504	DA	State Treasury - Ministry of Finance	Kho bạc Nhà nước - Bộ Tài chính	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.084500	F
643	VN00CP106040		CP1_0604	NA	State Treasury - Ministry of Finance	Kho bạc Nhà nước - Bộ Tài chính	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.084000	F
644	VN00CP107048		CP1_0704	DA	State Treasury - Ministry of Finance	Kho bạc Nhà nước - Bộ Tài chính	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.084000	F
645	VN00CP109044		CP1_0904	DA	State Treasury - Ministry of Finance	Kho bạc Nhà nước - Bộ Tài chính	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.084000	F
646	VN00CP110042		CP1_1004	DA	State Treasury - Ministry of Finance	Kho bạc Nhà nước - Bộ Tài chính	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.084000	F
647	VN00CP111040		CP1_1104	NA	State Treasury - Ministry of Finance	Kho bạc Nhà nước - Bộ Tài chính	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.084500	F
648	VN00CP112048		CP1_1204	NA	State Treasury - Ministry of Finance	Kho bạc Nhà nước - Bộ Tài chính	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.084500	F
649	VN0CPIA01041		CPIA0104	DA	State Treasury - Ministry of Finance	Kho bạc Nhà nước - Bộ Tài chính	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.083500	F
650	VN0CPIA03047		CPIA0304	NA	State Treasury - Ministry of Finance	Kho bạc Nhà nước - Bộ Tài chính	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.083500	F
651	VN0CPIA04045		CPIA0404	DA	State Treasury - Ministry of Finance	Kho bạc Nhà nước - Bộ Tài chính	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.084000	F
652	VN0CPIA05042		CPIA0504	DA	State Treasury - Ministry of Finance	Kho bạc Nhà nước - Bộ Tài chính	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.084000	F
653	VN0CPIA06040		CPIA0604	DA	State Treasury - Ministry of Finance	Kho bạc Nhà nước - Bộ Tài chính	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.084000	F
654	VN0CPIA07048		CPIA0704	DA	State Treasury - Ministry of Finance	Kho bạc Nhà nước - Bộ Tài chính	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.084000	F
655	VN0CPIA08046		CPIA0804	NA	State Treasury - Ministry of Finance	Kho bạc Nhà nước - Bộ Tài chính	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.084500	F
656	VNCPB0709291		CPB070929	NA	State Treasury - Ministry of Finance	Kho bạc Nhà nước - Bộ Tài chính	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.071500	F
657	VNCPB0709317		CPB070931	DA	State Treasury - Ministry of Finance	Kho bạc Nhà nước - Bộ Tài chính	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.072000	F
658	VNCPB0709325		CPB070932	NA	State Treasury - Ministry of Finance	Kho bạc Nhà nước - Bộ Tài chính	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.073000	F
659	VNCPB0709341		CPB070934	NA	State Treasury - Ministry of Finance	Kho bạc Nhà nước - Bộ Tài chính	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.073000	F

660	VNCPB0709374		CPB070937	DA	State Treasury - Ministry of Finance	Kho bạc Nhà nước - Bộ Tài chính	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.074000	F
661	VNCPB0709390		CPB070939	DA	State Treasury - Ministry of Finance	Kho bạc Nhà nước - Bộ Tài chính	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.077000	F
662	VNCPB0709457		CPB070945	DA	State Treasury - Ministry of Finance	Kho bạc Nhà nước - Bộ Tài chính	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.079000	F
663	VNCPB0710299		CPB071029	NA	State Treasury - Ministry of Finance	Kho bạc Nhà nước - Bộ Tài chính	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.073500	F
664	VNCPB0710323		CPB071032	NA	State Treasury - Ministry of Finance	Kho bạc Nhà nước - Bộ Tài chính	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.076000	F
665	VNCPB0710349		CPB071034	NA	State Treasury - Ministry of Finance	Kho bạc Nhà nước - Bộ Tài chính	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.075500	F
666	VNCPB0712345		CPB071234	NA	State Treasury - Ministry of Finance	Kho bạc Nhà nước - Bộ Tài chính	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.078500	F
667	VNCPB0712378		CPB071237	NA	State Treasury - Ministry of Finance	Kho bạc Nhà nước - Bộ Tài chính	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.080000	F
668	VNCPB0712428		CPB071242	NA	State Treasury - Ministry of Finance	Kho bạc Nhà nước - Bộ Tài chính	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.087000	F
669	VNCPB0712451		CPB071245	NA	State Treasury - Ministry of Finance	Kho bạc Nhà nước - Bộ Tài chính	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.086500	F
670	VNCPB0712477		CPB071247	NA	State Treasury - Ministry of Finance	Kho bạc Nhà nước - Bộ Tài chính	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.086800	F
671	VNTB08100042		CPB0810004	NA	State Treasury - Ministry of Finance	Kho bạc Nhà nước - Bộ Tài chính	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.076500	F
672	VNTB08100109		CPB0810010	NA	State Treasury - Ministry of Finance	Kho bạc Nhà nước - Bộ Tài chính	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.076800	F
673	VNTB08100125		CPB0810012	NA	State Treasury - Ministry of Finance	Kho bạc Nhà nước - Bộ Tài chính	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.077000	F
674	VNTB08100166		CPB0810016	NA	State Treasury - Ministry of Finance	Kho bạc Nhà nước - Bộ Tài chính	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.076200	F
675	VNTB08100216		CPB0810021	NA	State Treasury - Ministry of Finance	Kho bạc Nhà nước - Bộ Tài chính	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.100000	F
676	VNTB08100240		CPB0810024	NA	State Treasury - Ministry of Finance	Kho bạc Nhà nước - Bộ Tài chính	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.175000	F
677	VNTB08100281		CPB0810028	NA	State Treasury - Ministry of Finance	Kho bạc Nhà nước - Bộ Tài chính	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.165000	F
678	VNTB08110199		CPB0811019	NA	State Treasury - Ministry of Finance	Kho bạc Nhà nước - Bộ Tài chính	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.080000	F
679	VNTB08110256		CPB0811025	NA	State Treasury - Ministry of Finance	Kho bạc Nhà nước - Bộ Tài chính	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.175000	F
680	VNTB08110298		CPB0811029	NA	State Treasury - Ministry of Finance	Kho bạc Nhà nước - Bộ Tài chính	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.165000	F
681	VNTB08130056		CPB0813005	NA	State Treasury - Ministry of Finance	Kho bạc Nhà nước - Bộ Tài chính	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.085000	F
682	VNTB08130114		CPB0813011	NA	State Treasury - Ministry of Finance	Kho bạc Nhà nước - Bộ Tài chính	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.085000	F

683	VNTB08130130		CPB0813013	NA	State Treasury - Ministry of Finance	Kho bạc Nhà nước - Bộ Tài chính	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.085000	F
684	VNCPD0710436		CPD071043	NA	State Treasury - Ministry of Finance	Kho bạc Nhà nước - Bộ Tài chính	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.082000	F
685	VNCPD0710444		CPD071044	NA	State Treasury - Ministry of Finance	Kho bạc Nhà nước - Bộ Tài chính	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.082000	F
686	VNCPD0710469		CPD071046	NA	State Treasury - Ministry of Finance	Kho bạc Nhà nước - Bộ Tài chính	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.081500	F
687	VNCPD0712267		CPD071226	NA	State Treasury - Ministry of Finance	Kho bạc Nhà nước - Bộ Tài chính	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.074000	F
688	VNCPD0712275		CPD071227	NA	State Treasury - Ministry of Finance	Kho bạc Nhà nước - Bộ Tài chính	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.074000	F
689	VNCPD0712283		CPD071228	NA	State Treasury - Ministry of Finance	Kho bạc Nhà nước - Bộ Tài chính	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.074500	F
690	VNCPD0712309		CPD071230	NA	State Treasury - Ministry of Finance	Kho bạc Nhà nước - Bộ Tài chính	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.078000	F
691	VNCPD0712333		CPD071233	NA	State Treasury - Ministry of Finance	Kho bạc Nhà nước - Bộ Tài chính	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.079000	F
692	VNCPD0712358		CPD071235	NA	State Treasury - Ministry of Finance	Kho bạc Nhà nước - Bộ Tài chính	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.078600	F
693	VNCPD0712366		CPD071236	NA	State Treasury - Ministry of Finance	Kho bạc Nhà nước - Bộ Tài chính	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.078700	F
694	VNCPD0712382		CPD071238	NA	State Treasury - Ministry of Finance	Kho bạc Nhà nước - Bộ Tài chính	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.083000	F
695	VNCPD0712408		CPD071240	NA	State Treasury - Ministry of Finance	Kho bạc Nhà nước - Bộ Tài chính	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.083000	F
696	VNCPD0712416		CPD071241	NA	State Treasury - Ministry of Finance	Kho bạc Nhà nước - Bộ Tài chính	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.085000	F
697	VNCPD0712432		CPD071243	NA	State Treasury - Ministry of Finance	Kho bạc Nhà nước - Bộ Tài chính	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.087000	F
698	VNCPD0712440		CPD071244	NA	State Treasury - Ministry of Finance	Kho bạc Nhà nước - Bộ Tài chính	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.086800	F
699	VNCPD0712465		CPD071246	NA	State Treasury - Ministry of Finance	Kho bạc Nhà nước - Bộ Tài chính	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.086500	F
700	VNTD08100172		CPD0810017	NA	State Treasury - Ministry of Finance	Kho bạc Nhà nước - Bộ Tài chính	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.076800	F
701	VNTD08100222		CPD0810022	NA	State Treasury - Ministry of Finance	Kho bạc Nhà nước - Bộ Tài chính	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.110000	F
702	VNTD08100263		CPD0810026	NA	State Treasury - Ministry of Finance	Kho bạc Nhà nước - Bộ Tài chính	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.175000	F
703	VNTD08110023		CPD0811002	NA	State Treasury - Ministry of Finance	Kho bạc Nhà nước - Bộ Tài chính	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.079000	F
704	VNTD08110080		CPD0811008	NA	State Treasury - Ministry of Finance	Kho bạc Nhà nước - Bộ Tài chính	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.079500	F
705	VNTD08130013		CPD0813001	NA	State Treasury - Ministry of Finance	Kho bạc Nhà nước - Bộ Tài chính	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.085000	F

706	VNTD08130096		CPD0813009	NA	State Treasury - Ministry of Finance	Kho bạc Nhà nước - Bộ Tài chính	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.085000	F
707	VNTD08130278		CPD0813027	NA	State Treasury - Ministry of Finance	Kho bạc Nhà nước - Bộ Tài chính	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.160000	F
708	VNTB08100828		CPB0810082	NA	State Treasury - Ministry of Finance	Kho bạc Nhà nước - Bộ Tài chính	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.090000	F
709	VNTB08110835		CPB0811083	NA	State Treasury - Ministry of Finance	Kho bạc Nhà nước - Bộ Tài chính	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.088000	F
710	VN00TP101059		TP1_0105	NA	State Treasury - Ministry of Finance	Kho bạc Nhà nước - Bộ Tài chính	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.085000	F
711	VN00TP101067		TP1_0106	NA	State Treasury - Ministry of Finance	Kho bạc Nhà nước - Bộ Tài chính	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.087500	F
712	VN00TP102057		TP1_0205	NA	State Treasury - Ministry of Finance	Kho bạc Nhà nước - Bộ Tài chính	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.085000	F
713	VN00TP102065		TP1_0206	NA	State Treasury - Ministry of Finance	Kho bạc Nhà nước - Bộ Tài chính	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.087500	F
714	VN00TP103063		TP1_0306	NA	State Treasury - Ministry of Finance	Kho bạc Nhà nước - Bộ Tài chính	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.087500	F
715	VN00TP104053		TP1_0405	NA	State Treasury - Ministry of Finance	Kho bạc Nhà nước - Bộ Tài chính	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.085500	F
716	VN00TP104061		TP1_0406	NA	State Treasury - Ministry of Finance	Kho bạc Nhà nước - Bộ Tài chính	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.087500	F
717	VN00TP105050		TP1_0505	NA	State Treasury - Ministry of Finance	Kho bạc Nhà nước - Bộ Tài chính	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.086000	F
718	VN00TP105068		TP1_0506	NA	State Treasury - Ministry of Finance	Kho bạc Nhà nước - Bộ Tài chính	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.087500	F
719	VN00TP106066		TP1_0606	NA	State Treasury - Ministry of Finance	Kho bạc Nhà nước - Bộ Tài chính	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.087500	F
720	VN00TP107064		TP1_0706	NA	State Treasury - Ministry of Finance	Kho bạc Nhà nước - Bộ Tài chính	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.087500	F
721	VN00TP108054		TP1_0805	NA	State Treasury - Ministry of Finance	Kho bạc Nhà nước - Bộ Tài chính	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.086000	F
722	VN00TP108062		TP1_0806	NA	State Treasury - Ministry of Finance	Kho bạc Nhà nước - Bộ Tài chính	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.087500	F
723	VN00TP109052		TP1_0905	NA	State Treasury - Ministry of Finance	Kho bạc Nhà nước - Bộ Tài chính	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.087000	F
724	VN00TP109060		TP1_0906	NA	State Treasury - Ministry of Finance	Kho bạc Nhà nước - Bộ Tài chính	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.087500	F
725	VN00TP110050		TP1_1005	NA	State Treasury - Ministry of Finance	Kho bạc Nhà nước - Bộ Tài chính	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.087000	F
726	VN00TP110068		TP1_1006	NA	State Treasury - Ministry of Finance	Kho bạc Nhà nước - Bộ Tài chính	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.087300	F
727	VN00TP111058		TP1_1105	NA	State Treasury - Ministry of Finance	Kho bạc Nhà nước - Bộ Tài chính	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.087000	F
728	VN00TP111066		TP1_1106	NA	State Treasury - Ministry of Finance	Kho bạc Nhà nước - Bộ Tài chính	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.087300	F

729	VN00TP112056		TP1_1205	NA	State Treasury - Ministry of Finance	Kho bạc Nhà nước - Bộ Tài chính	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.087000	F
730	VN00TP113047		TP1_1304	NA	State Treasury - Ministry of Finance	Kho bạc Nhà nước - Bộ Tài chính	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.084500	F
731	VN00TP114045		TP1_1404	DA	State Treasury - Ministry of Finance	Kho bạc Nhà nước - Bộ Tài chính	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.084500	F
732	VN00TP114052		TP1_1405	NA	State Treasury - Ministry of Finance	Kho bạc Nhà nước - Bộ Tài chính	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.087500	F
733	VN00TP115042		TP1_1504	DA	State Treasury - Ministry of Finance	Kho bạc Nhà nước - Bộ Tài chính	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.084500	F
734	VN00TP115059		TP1_1505	NA	State Treasury - Ministry of Finance	Kho bạc Nhà nước - Bộ Tài chính	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.087500	F
735	VN00TP116040		TP1_1604	NA	State Treasury - Ministry of Finance	Kho bạc Nhà nước - Bộ Tài chính	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.085000	F
736	VN00TP116057		TP1_1605	NA	State Treasury - Ministry of Finance	Kho bạc Nhà nước - Bộ Tài chính	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.087500	F
737	VN00TP117048		TP1_1704	NA	State Treasury - Ministry of Finance	Kho bạc Nhà nước - Bộ Tài chính	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.085000	F
738	VN00TP117055		TP1_1705	NA	State Treasury - Ministry of Finance	Kho bạc Nhà nước - Bộ Tài chính	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.087500	F
739	VN00TP118046		TP1_1804	DA	State Treasury - Ministry of Finance	Kho bạc Nhà nước - Bộ Tài chính	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.085000	F
740	VN00TP118053		TP1_1805	NA	State Treasury - Ministry of Finance	Kho bạc Nhà nước - Bộ Tài chính	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.087500	F
741	VN00TP119044		TP1_1904	DA	State Treasury - Ministry of Finance	Kho bạc Nhà nước - Bộ Tài chính	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.084500	F
742	VN00TP119051		TP1_1905	NA	State Treasury - Ministry of Finance	Kho bạc Nhà nước - Bộ Tài chính	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.087500	F
743	VN00TP120059		TP1_2005	NA	State Treasury - Ministry of Finance	Kho bạc Nhà nước - Bộ Tài chính	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.087500	F
744	VN00TP121057		TP1_2105	NA	State Treasury - Ministry of Finance	Kho bạc Nhà nước - Bộ Tài chính	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.087500	F
745	VN00TP122055		TP1_2205	NA	State Treasury - Ministry of Finance	Kho bạc Nhà nước - Bộ Tài chính	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.087500	F
746	VN00TP123053		TP1_2305	NA	State Treasury - Ministry of Finance	Kho bạc Nhà nước - Bộ Tài chính	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.087500	F
747	VN00TP124051		TP1_2405	NA	State Treasury - Ministry of Finance	Kho bạc Nhà nước - Bộ Tài chính	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.087500	F
748	VN00TP125058		TP1_2505	NA	State Treasury - Ministry of Finance	Kho bạc Nhà nước - Bộ Tài chính	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.087500	F
749	VN0TP1A01059		TP1A0105	NA	State Treasury - Ministry of Finance	Kho bạc Nhà nước - Bộ Tài chính	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.085000	F
750	VN0TP1A01067		TP1A0106	NA	State Treasury - Ministry of Finance	Kho bạc Nhà nước - Bộ Tài chính	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.087500	F
751	VN0TP1A02057		TP1A0205	NA	State Treasury - Ministry of Finance	Kho bạc Nhà nước - Bộ Tài chính	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.085000	F

752	VN0TP1A02065		TP1A0206	NA	State Treasury - Ministry of Finance	Kho bạc Nhà nước - Bộ Tài chính	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.087500	F
753	VN0TP1A03055		TP1A0305	NA	State Treasury - Ministry of Finance	Kho bạc Nhà nước - Bộ Tài chính	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.085000	F
754	VN0TP1A03063		TP1A0306	DA	State Treasury - Ministry of Finance	Kho bạc Nhà nước - Bộ Tài chính	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.081500	F
755	VN0TP1A04053		TP1A0405	NA	State Treasury - Ministry of Finance	Kho bạc Nhà nước - Bộ Tài chính	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.085000	F
756	VN0TP1A04061		TP1A0406	NA	State Treasury - Ministry of Finance	Kho bạc Nhà nước - Bộ Tài chính	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.087500	F
757	VN0TP1A05050		TP1A0505	NA	State Treasury - Ministry of Finance	Kho bạc Nhà nước - Bộ Tài chính	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.085000	F
758	VN0TP1A05068		TP1A0506	NA	State Treasury - Ministry of Finance	Kho bạc Nhà nước - Bộ Tài chính	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.087500	F
759	VN0TP1A06058		TP1A0605	NA	State Treasury - Ministry of Finance	Kho bạc Nhà nước - Bộ Tài chính	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.085500	F
760	VN0TP1A06066		TP1A0606	NA	State Treasury - Ministry of Finance	Kho bạc Nhà nước - Bộ Tài chính	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.087500	F
761	VN0TP1A07056		TP1A0705	NA	State Treasury - Ministry of Finance	Kho bạc Nhà nước - Bộ Tài chính	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.085500	F
762	VN0TP1A07064		TP1A0706	DA	State Treasury - Ministry of Finance	Kho bạc Nhà nước - Bộ Tài chính	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.081500	F
763	VN0TP1A08054		TP1A0805	NA	State Treasury - Ministry of Finance	Kho bạc Nhà nước - Bộ Tài chính	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.088000	F
764	VN0TP1A08062		TP1A0806	NA	State Treasury - Ministry of Finance	Kho bạc Nhà nước - Bộ Tài chính	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.087500	F
765	VN0TP1A09045		TP1A0904	NA	State Treasury - Ministry of Finance	Kho bạc Nhà nước - Bộ Tài chính	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.084500	F
766	VN0TP1A09052		TP1A0905	NA	State Treasury - Ministry of Finance	Kho bạc Nhà nước - Bộ Tài chính	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.086000	F
767	VN0TP1A09060		TP1A0906	NA	State Treasury - Ministry of Finance	Kho bạc Nhà nước - Bộ Tài chính	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.092500	F
768	VN0TP1A10043		TP1A1004	NA	State Treasury - Ministry of Finance	Kho bạc Nhà nước - Bộ Tài chính	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.084500	F
769	VN0TP1A10050		TP1A1005	NA	State Treasury - Ministry of Finance	Kho bạc Nhà nước - Bộ Tài chính	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.086000	F
770	VN0TP1A10068		TP1A1006	NA	State Treasury - Ministry of Finance	Kho bạc Nhà nước - Bộ Tài chính	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.087500	F
771	VN0TP1A11041		TP1A1104	NA	State Treasury - Ministry of Finance	Kho bạc Nhà nước - Bộ Tài chính	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.084500	F
772	VN0TP1A11058		TP1A1105	NA	State Treasury - Ministry of Finance	Kho bạc Nhà nước - Bộ Tài chính	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.091000	F
773	VN0TP1A11066		TP1A1106	NA	State Treasury - Ministry of Finance	Kho bạc Nhà nước - Bộ Tài chính	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.087500	F
774	VN0TP1A12049		TP1A1204	NA	State Treasury - Ministry of Finance	Kho bạc Nhà nước - Bộ Tài chính	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.084500	F

775	VN0TP1A12056		TP1A1205	NA	State Treasury - Ministry of Finance	Kho bạc Nhà nước - Bộ Tài chính	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.086000	F
776	VN0TP1A12064		TP1A1206	NA	State Treasury - Ministry of Finance	Kho bạc Nhà nước - Bộ Tài chính	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.087500	F
777	VN0TP1A13047		TP1A1304	DA	State Treasury - Ministry of Finance	Kho bạc Nhà nước - Bộ Tài chính	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.084500	F
778	VN0TP1A13054		TP1A1305	NA	State Treasury - Ministry of Finance	Kho bạc Nhà nước - Bộ Tài chính	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.086000	F
779	VN0TP1A13062		TP1A1306	NA	State Treasury - Ministry of Finance	Kho bạc Nhà nước - Bộ Tài chính	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.087500	F
780	VN0TP1A14045		TP1A1404	DA	State Treasury - Ministry of Finance	Kho bạc Nhà nước - Bộ Tài chính	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.084500	F
781	VN0TP1A14052		TP1A1405	NA	State Treasury - Ministry of Finance	Kho bạc Nhà nước - Bộ Tài chính	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.086500	F
782	VN0TP1A14060		TP1A1406	NA	State Treasury - Ministry of Finance	Kho bạc Nhà nước - Bộ Tài chính	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.092500	F
783	VN0TP1A15042		TP1A1504	NA	State Treasury - Ministry of Finance	Kho bạc Nhà nước - Bộ Tài chính	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.085000	F
784	VN0TP1A15059		TP1A1505	NA	State Treasury - Ministry of Finance	Kho bạc Nhà nước - Bộ Tài chính	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.092000	F
785	VN0TP1A15067		TP1A1506	NA	State Treasury - Ministry of Finance	Kho bạc Nhà nước - Bộ Tài chính	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.087500	F
786	VN0TP1A16040		TP1A1604	NA	State Treasury - Ministry of Finance	Kho bạc Nhà nước - Bộ Tài chính	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.085000	F
787	VN0TP1A16057		TP1A1605	NA	State Treasury - Ministry of Finance	Kho bạc Nhà nước - Bộ Tài chính	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.087000	F
788	VN0TP1A16065		TP1A1606	NA	State Treasury - Ministry of Finance	Kho bạc Nhà nước - Bộ Tài chính	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.087500	F
789	VN0TP1A17048		TP1A1704	NA	State Treasury - Ministry of Finance	Kho bạc Nhà nước - Bộ Tài chính	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.085000	F
790	VN0TP1A17055		TP1A1705	NA	State Treasury - Ministry of Finance	Kho bạc Nhà nước - Bộ Tài chính	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.087000	F
791	VN0TP1A18046		TP1A1804	DA	State Treasury - Ministry of Finance	Kho bạc Nhà nước - Bộ Tài chính	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.085000	F
792	VN0TP1A18053		TP1A1805	NA	State Treasury - Ministry of Finance	Kho bạc Nhà nước - Bộ Tài chính	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.092000	F
793	VN0TP1A19044		TP1A1904	DA	State Treasury - Ministry of Finance	Kho bạc Nhà nước - Bộ Tài chính	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.085000	F
794	VN0TP1A19051		TP1A1905	NA	State Treasury - Ministry of Finance	Kho bạc Nhà nước - Bộ Tài chính	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.087000	F
795	VN0TP1A20042		TP1A2004	DA	State Treasury - Ministry of Finance	Kho bạc Nhà nước - Bộ Tài chính	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.085000	F
796	VN0TP1A20059		TP1A2005	NA	State Treasury - Ministry of Finance	Kho bạc Nhà nước - Bộ Tài chính	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.087000	F
797	VN0TP1A21040		TP1A2104	DA	State Treasury - Ministry of Finance	Kho bạc Nhà nước - Bộ Tài chính	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.085000	F

798	VN0TP1A23053		TP1A2305	NA	State Treasury - Ministry of Finance	Kho bạc Nhà nước - Bộ Tài chính	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.087000	F
799	VN0TP1A24051		TP1A2405	NA	State Treasury - Ministry of Finance	Kho bạc Nhà nước - Bộ Tài chính	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.087500	F
800	VN0TP1A25058		TP1A2505	NA	State Treasury - Ministry of Finance	Kho bạc Nhà nước - Bộ Tài chính	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.087500	F
801	VN0TP1A26056		TP1A2605	NA	State Treasury - Ministry of Finance	Kho bạc Nhà nước - Bộ Tài chính	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.092500	F
802	VN0TP1A27054		TP1A2705	NA	State Treasury - Ministry of Finance	Kho bạc Nhà nước - Bộ Tài chính	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.087500	F
803	VN0TP1A28052		TP1A2805	NA	State Treasury - Ministry of Finance	Kho bạc Nhà nước - Bộ Tài chính	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.087500	F
804	VN0TP1A29050		TP1A2905	NA	State Treasury - Ministry of Finance	Kho bạc Nhà nước - Bộ Tài chính	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.087500	F
805	VN0TP1A30058		TP1A3005	NA	State Treasury - Ministry of Finance	Kho bạc Nhà nước - Bộ Tài chính	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.092500	F
806	VN0TP1A31056		TP1A3105	NA	State Treasury - Ministry of Finance	Kho bạc Nhà nước - Bộ Tài chính	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.087500	F
807	VN0TP1A34050		TP1A3405	NA	State Treasury - Ministry of Finance	Kho bạc Nhà nước - Bộ Tài chính	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.087500	F
808	VN0TP1A35057		TP1A3505	NA	State Treasury - Ministry of Finance	Kho bạc Nhà nước - Bộ Tài chính	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.087500	F
809	VN0TP1A38051		TP1A3805	NA	State Treasury - Ministry of Finance	Kho bạc Nhà nước - Bộ Tài chính	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.087500	F
810	VN0TP1A39059		TP1A3905	NA	State Treasury - Ministry of Finance	Kho bạc Nhà nước - Bộ Tài chính	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.087500	F
811	VN0TP1A40057		TP1A4005	NA	State Treasury - Ministry of Finance	Kho bạc Nhà nước - Bộ Tài chính	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.087500	F
812	VN0TP1A42053		TP1A4205	NA	State Treasury - Ministry of Finance	Kho bạc Nhà nước - Bộ Tài chính	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.087500	F
813	VN0TP1A44059		TP1A4405	NA	State Treasury - Ministry of Finance	Kho bạc Nhà nước - Bộ Tài chính	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.087500	F
814	VN0TP1A46054		TP1A4605	NA	State Treasury - Ministry of Finance	Kho bạc Nhà nước - Bộ Tài chính	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.087500	F
815	VN0TP1A49058		TP1A4905	NA	State Treasury - Ministry of Finance	Kho bạc Nhà nước - Bộ Tài chính	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.087500	F
816	VN0TP1A50056		TP1A5005	NA	State Treasury - Ministry of Finance	Kho bạc Nhà nước - Bộ Tài chính	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.087500	F
817	VN0TP1A51054		TP1A5105	NA	State Treasury - Ministry of Finance	Kho bạc Nhà nước - Bộ Tài chính	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.087500	F
818	VN0TP1A52052		TP1A5205	NA	State Treasury - Ministry of Finance	Kho bạc Nhà nước - Bộ Tài chính	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.087500	F
819	VN0TP1A56053		TP1A5605	NA	State Treasury - Ministry of Finance	Kho bạc Nhà nước - Bộ Tài chính	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.087500	F
820	VNTB08100372		CPB0810037	NA	State Treasury - Ministry of Finance	Kho bạc Nhà nước - Bộ Tài chính	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.160000	F

821	VNTB08100455		CPB0810045	NA	State Treasury - Ministry of Finance	Kho bạc Nhà nước - Bộ Tài chính	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.155000	F
822	VNTB08100513		CPB0810051	NA	State Treasury - Ministry of Finance	Kho bạc Nhà nước - Bộ Tài chính	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.153000	F
823	VNTB08100570		CPB0810057	NA	State Treasury - Ministry of Finance	Kho bạc Nhà nước - Bộ Tài chính	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.147000	F
824	VNTB08110389		CPB0811038	NA	State Treasury - Ministry of Finance	Kho bạc Nhà nước - Bộ Tài chính	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.160000	F
825	VNTB08110462		CPB0811046	NA	State Treasury - Ministry of Finance	Kho bạc Nhà nước - Bộ Tài chính	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.155000	F
826	VNTB08110520		CPB0811052	NA	State Treasury - Ministry of Finance	Kho bạc Nhà nước - Bộ Tài chính	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.152000	F
827	VNTB08130585		CPB0813058	NA	State Treasury - Ministry of Finance	Kho bạc Nhà nước - Bộ Tài chính	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.142000	F
828	VNTD08100347		CPD0810034	NA	State Treasury - Ministry of Finance	Kho bạc Nhà nước - Bộ Tài chính	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.165000	F
829	VNTD08100404		CPD0810040	NA	State Treasury - Ministry of Finance	Kho bạc Nhà nước - Bộ Tài chính	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.160000	F
830	VNTD08110353		CPD0811035	NA	State Treasury - Ministry of Finance	Kho bạc Nhà nước - Bộ Tài chính	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.165000	F
831	VNTD08110411		CPD0811041	NA	State Treasury - Ministry of Finance	Kho bạc Nhà nước - Bộ Tài chính	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.160000	F
832	VNTB08100703		CPB0810070	NA	State Treasury - Ministry of Finance	Kho bạc Nhà nước - Bộ Tài chính	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.119000	F
833	VNTB08110710		CPB0811071	NA	State Treasury - Ministry of Finance	Kho bạc Nhà nước - Bộ Tài chính	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.115000	F
834	VNTD08100743		CPD0810074	NA	State Treasury - Ministry of Finance	Kho bạc Nhà nước - Bộ Tài chính	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.145000	F
835	VNTD08100818		CPD0810081	NA	State Treasury - Ministry of Finance	Kho bạc Nhà nước - Bộ Tài chính	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.095000	F
836	VNTD09100163		CPD0910016	NA	State Treasury - Ministry of Finance	Kho bạc Nhà nước - Bộ Tài chính	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.029800	F
837	VNTD09110170		CPD0911017	NA	State Treasury - Ministry of Finance	Kho bạc Nhà nước - Bộ Tài chính	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.037500	F
838	VNTD09120187		CPD0912018	NA	State Treasury - Ministry of Finance	Kho bạc Nhà nước - Bộ Tài chính	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.039000	F
839	VN0HN0510018		HN051001	NA	Hanoi Treasury	Kho bạc Hà Nội	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.090700	F
840	VN0HN0510026		HN051002	NA	Hanoi Treasury	Kho bạc Hà Nội	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.091000	F
841	VN0HN0611014		HN061101	NA	Hanoi Treasury	Kho bạc Hà Nội	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.087000	F
842	VN0HN0611022		HN061102	NA	Hanoi Treasury	Kho bạc Hà Nội	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.087500	F
843	VN00CP401029		CP4_0102	NA	Development Bank of Vietnam	Ngân hàng Phát triển Việt Nam	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.083000	F

844	VN00CP401045		CP4_0104	NA	Development Bank of Vietnam	Ngân hàng Phát triển Việt Nam	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.094000	F
845	VN00CP402027		CP4_0202	DA	Development Bank of Vietnam	Ngân hàng Phát triển Việt Nam	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.081000	F
846	VN00CP402043		CP4_0204	NA	Development Bank of Vietnam	Ngân hàng Phát triển Việt Nam	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.094000	F
847	VN00CP404049		CP4_0404	NA	Development Bank of Vietnam	Ngân hàng Phát triển Việt Nam	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.094000	F
848	VN00CP405038		CP4_0503	NA	Development Bank of Vietnam	Ngân hàng Phát triển Việt Nam	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.093000	F
849	VN00CP405046		CP4_0504	NA	Development Bank of Vietnam	Ngân hàng Phát triển Việt Nam	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.094000	F
850	VN00CP409022		CP4_0902	NA	Development Bank of Vietnam	Ngân hàng Phát triển Việt Nam	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.091000	F
851	VN00CP410046		CP4_1004	NA	Development Bank of Vietnam	Ngân hàng Phát triển Việt Nam	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.090000	F
852	VN00CP416035	VN000A0DCEQ9	CP4_1603	NA	Development Bank of Vietnam	Ngân hàng Phát triển Việt Nam	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.095000	F
853	VN00CP417033		CP4_1703	NA	Development Bank of Vietnam	Ngân hàng Phát triển Việt Nam	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.094000	F
854	VN00CP418031		CP4_1803	NA	Development Bank of Vietnam	Ngân hàng Phát triển Việt Nam	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.094000	F
855	VN0CP4A01029		CP4A0102	NA	Development Bank of Vietnam	Ngân hàng Phát triển Việt Nam	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.081000	F
856	VN0CP4A01037		CP4A0103	NA	Development Bank of Vietnam	Ngân hàng Phát triển Việt Nam	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.092000	F
857	VN0CP4A01045		CP4A0104	NA	Development Bank of Vietnam	Ngân hàng Phát triển Việt Nam	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.094000	F
858	VN0CP4A02027		CP4A0202	NA	Development Bank of Vietnam	Ngân hàng Phát triển Việt Nam	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.091500	F
859	VN0CP4A02035		CP4A0203	NA	Development Bank of Vietnam	Ngân hàng Phát triển Việt Nam	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.091800	F
860	VN0CP4A03025		CP4A0302	NA	Development Bank of Vietnam	Ngân hàng Phát triển Việt Nam	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.091000	F
861	VN0CP4A03033		CP4A0303	NA	Development Bank of Vietnam	Ngân hàng Phát triển Việt Nam	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.092000	F
862	VN0CP4A03041		CP4A0304	NA	Development Bank of Vietnam	Ngân hàng Phát triển Việt Nam	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.094000	F
863	VN0CP4A04023		CP4A0402	NA	Development Bank of Vietnam	Ngân hàng Phát triển Việt Nam	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.099900	F
864	VN0CP4A04031		CP4A0403	NA	Development Bank of Vietnam	Ngân hàng Phát triển Việt Nam	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.091300	F
865	VN0CP4A05020		CP4A0502	NA	Development Bank of Vietnam	Ngân hàng Phát triển Việt Nam	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.091500	F
866	VN0CP4A05046		CP4A0504	NA	Development Bank of Vietnam	Ngân hàng Phát triển Việt Nam	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.094000	F

867	VN0CP4A06028		CP4A0602	NA	Development Bank of Vietnam	Ngân hàng Phát triển Việt Nam	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.083800	F
868	VN0CP4A06036		CP4A0603	NA	Development Bank of Vietnam	Ngân hàng Phát triển Việt Nam	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.091300	F
869	VN0CP4A07026		CP4A0702	NA	Development Bank of Vietnam	Ngân hàng Phát triển Việt Nam	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.084000	F
870	VN0CP4A07034		CP4A0703	NA	Development Bank of Vietnam	Ngân hàng Phát triển Việt Nam	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.091800	F
871	VN0CP4A07042		CP4A0704	NA	Development Bank of Vietnam	Ngân hàng Phát triển Việt Nam	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.085900	F
872	VN0CP4A08024		CP4A0802	NA	Development Bank of Vietnam	Ngân hàng Phát triển Việt Nam	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.091700	F
873	VN0CP4A08040	VN000A0DCER7	CP4A0804	NA	Development Bank of Vietnam	Ngân hàng Phát triển Việt Nam	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.094000	F
874	VN0CP4A09022		CP4A0902	NA	Development Bank of Vietnam	Ngân hàng Phát triển Việt Nam	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.091800	F
875	VN0CP4A09030		CP4A0903	NA	Development Bank of Vietnam	Ngân hàng Phát triển Việt Nam	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.091800	F
876	VN0CP4A09048		CP4A0904	NA	Development Bank of Vietnam	Ngân hàng Phát triển Việt Nam	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.094000	F
877	VN0CP4A10020		CP4A1002	NA	Development Bank of Vietnam	Ngân hàng Phát triển Việt Nam	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.091800	F
878	VN0CP4A10038		CP4A1003	NA	Development Bank of Vietnam	Ngân hàng Phát triển Việt Nam	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.091800	F
879	VN0CP4A10046	VN000A0DCEP1	CP4A1004	NA	Development Bank of Vietnam	Ngân hàng Phát triển Việt Nam	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.094000	F
880	VN0CP4A11028		CP4A1102	NA	Development Bank of Vietnam	Ngân hàng Phát triển Việt Nam	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.091800	F
881	VN0CP4A11044	VN000A0DCEN6	CP4A1104	NA	Development Bank of Vietnam	Ngân hàng Phát triển Việt Nam	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.094000	F
882	VN0CP4A12034		CP4A1203	NA	Development Bank of Vietnam	Ngân hàng Phát triển Việt Nam	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.091800	F
883	VN0CP4A12042		CP4A1204	NA	Development Bank of Vietnam	Ngân hàng Phát triển Việt Nam	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.094000	F
884	VN0CP4A13032		CP4A1303	NA	Development Bank of Vietnam	Ngân hàng Phát triển Việt Nam	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.091800	F
885	VN0CP4A13040		CP4A1304	NA	Development Bank of Vietnam	Ngân hàng Phát triển Việt Nam	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.094000	F
886	VN0CP4A14030		CP4A1403	NA	Development Bank of Vietnam	Ngân hàng Phát triển Việt Nam	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.085100	F
887	VN0CP4A15037		CP4A1503	NA	Development Bank of Vietnam	Ngân hàng Phát triển Việt Nam	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.091800	F
888	VN0CP4A15045		CP4A1504	NA	Development Bank of Vietnam	Ngân hàng Phát triển Việt Nam	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.094000	F
889	VN0CP4A16035		CP4A1603	NA	Development Bank of Vietnam	Ngân hàng Phát triển Việt Nam	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.091800	F

890	VN0CP4A16043		CP4A1604	NA	Development Bank of Vietnam	Ngân hàng Phát triển Việt Nam	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.085900	F
891	VN0CP4A17033		CP4A1703	NA	Development Bank of Vietnam	Ngân hàng Phát triển Việt Nam	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.085100	F
892	VN0CP4A17041		CP4A1704	NA	Development Bank of Vietnam	Ngân hàng Phát triển Việt Nam	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.085900	F
893	VN0CP4A18031		CP4A1803	NA	Development Bank of Vietnam	Ngân hàng Phát triển Việt Nam	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.085100	F
894	VN0CP4A18049		CP4A1804	NA	Development Bank of Vietnam	Ngân hàng Phát triển Việt Nam	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.094000	F
895	VN0CP4A19039		CP4A1903	NA	Development Bank of Vietnam	Ngân hàng Phát triển Việt Nam	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.084200	F
896	VN0CP4A20037		CP4A2003	NA	Development Bank of Vietnam	Ngân hàng Phát triển Việt Nam	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.097000	F
897	VN0CP4A20045		CP4A2004	NA	Development Bank of Vietnam	Ngân hàng Phát triển Việt Nam	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.094000	F
898	VN0CP4A21035	VN000A0DA510	CP4A2103	NA	Development Bank of Vietnam	Ngân hàng Phát triển Việt Nam	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.088400	F
899	VN0CP4A21043		CP4A2104	NA	Development Bank of Vietnam	Ngân hàng Phát triển Việt Nam	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.084000	F
900	VN0CP4A22033		CP4A2203	NA	Development Bank of Vietnam	Ngân hàng Phát triển Việt Nam	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.088400	F
901	VN0CP4A22041		CP4A2204	NA	Development Bank of Vietnam	Ngân hàng Phát triển Việt Nam	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.085900	F
902	VN0CP4A23031		CP4A2303	NA	Development Bank of Vietnam	Ngân hàng Phát triển Việt Nam	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.097000	F
903	VN0CP4A23049		CP4A2304	NA	Development Bank of Vietnam	Ngân hàng Phát triển Việt Nam	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.094000	F
904	VN0CP4A24039		CP4A2403	NA	Development Bank of Vietnam	Ngân hàng Phát triển Việt Nam	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.097000	F
905	VN0CP4A24047		CP4A2404	NA	Development Bank of Vietnam	Ngân hàng Phát triển Việt Nam	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.092000	F
906	VN0CP4A25036		CP4A2503	NA	Development Bank of Vietnam	Ngân hàng Phát triển Việt Nam	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.097000	F
907	VN0CP4A25044		CP4A2504	NA	Development Bank of Vietnam	Ngân hàng Phát triển Việt Nam	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.088000	F
908	VN0CP4A26034		CP4A2603	NA	Development Bank of Vietnam	Ngân hàng Phát triển Việt Nam	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.084200	F
909	VN0CP4A26042		CP4A2604	NA	Development Bank of Vietnam	Ngân hàng Phát triển Việt Nam	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.092000	F
910	VN0CP4A27032		CP4A2703	NA	Development Bank of Vietnam	Ngân hàng Phát triển Việt Nam	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.092000	F
911	VN0CP4A27040		CP4A2704	NA	Development Bank of Vietnam	Ngân hàng Phát triển Việt Nam	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.092000	F
912	VN0CP4A29046		CP4A2904	NA	Development Bank of Vietnam	Ngân hàng Phát triển Việt Nam	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.090000	F

913	VN0CP4A30036		CP4A3003	NA	Development Bank of Vietnam	Ngân hàng Phát triển Việt Nam	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.097000	F
914	VN0CP4A30044		CP4A3004	NA	Development Bank of Vietnam	Ngân hàng Phát triển Việt Nam	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.090000	F
915	VN0CP4A31042		CP4A3104	NA	Development Bank of Vietnam	Ngân hàng Phát triển Việt Nam	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.090000	F
916	VN0CP4A33030		CP4A3303	NA	Development Bank of Vietnam	Ngân hàng Phát triển Việt Nam	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.097000	F
917	VN0CP4A33048		CP4A3304	NA	Development Bank of Vietnam	Ngân hàng Phát triển Việt Nam	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.090000	F
918	VN0CP4A34038		CP4A3403	NA	Development Bank of Vietnam	Ngân hàng Phát triển Việt Nam	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.097000	F
919	VN0CP4A35035		CP4A3503	NA	Development Bank of Vietnam	Ngân hàng Phát triển Việt Nam	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.097000	F
920	VN0CP4A36033		CP4A3603	NA	Development Bank of Vietnam	Ngân hàng Phát triển Việt Nam	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.097000	F
921	VN0CP4A37031		CP4A3703	NA	Development Bank of Vietnam	Ngân hàng Phát triển Việt Nam	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.097000	F
922	VN0CP4A40035		CP4A4003	NA	Development Bank of Vietnam	Ngân hàng Phát triển Việt Nam	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.095000	F
923	VN0CP4A44037		CP4A4403	NA	Development Bank of Vietnam	Ngân hàng Phát triển Việt Nam	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.095000	F
924	VN0CP4A46032		CP4A4603	NA	Development Bank of Vietnam	Ngân hàng Phát triển Việt Nam	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.095000	F
925	VN0CP4A47030		CP4A4703	NA	Development Bank of Vietnam	Ngân hàng Phát triển Việt Nam	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.094000	F
926	VN0CP4A48038		CP4A4803	NA	Development Bank of Vietnam	Ngân hàng Phát triển Việt Nam	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.094000	F
927	VN0CP4A49036		CP4A4903	NA	Development Bank of Vietnam	Ngân hàng Phát triển Việt Nam	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.094000	F
928	VN0CP4A50034		CP4A5003	NA	Development Bank of Vietnam	Ngân hàng Phát triển Việt Nam	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.094000	F
929	VN0QH0510011		QH051001	NA	Development Bank of Vietnam	Ngân hàng Phát triển Việt Nam	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.086000	F
930	VN0QH0510029		QH051002	NA	Development Bank of Vietnam	Ngân hàng Phát triển Việt Nam	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.086000	F
931	VN0QH0520010		QH052001	NA	Development Bank of Vietnam	Ngân hàng Phát triển Việt Nam	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.091000	F
932	VN0QH0520028		QH052002	NA	Development Bank of Vietnam	Ngân hàng Phát triển Việt Nam	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.091000	F
933	VN0QH0520036		QH052003	NA	Development Bank of Vietnam	Ngân hàng Phát triển Việt Nam	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.092500	F
934	VN0QH0609029		QH060902	DA	Development Bank of Vietnam	Ngân hàng Phát triển Việt Nam	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.081500	F
935	VN0QH0609086		QH060908	NA	Development Bank of Vietnam	Ngân hàng Phát triển Việt Nam	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.081500	F

936	VN0QH0609094		QH060909	DA	Development Bank of Vietnam	Ngân hàng Phát triển Việt Nam	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.081500	F
937	VN0QH0609102		QH060910	NA	Development Bank of Vietnam	Ngân hàng Phát triển Việt Nam	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.081500	F
938	VN0QH0609110		QH060911	NA	Development Bank of Vietnam	Ngân hàng Phát triển Việt Nam	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.081500	F
939	VN0QH0609136		QH060913	NA	Development Bank of Vietnam	Ngân hàng Phát triển Việt Nam	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.081000	F
940	VN0QH0611025		QH061102	NA	Development Bank of Vietnam	Ngân hàng Phát triển Việt Nam	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.087500	F
941	VN0QH0611033		QH061103	NA	Development Bank of Vietnam	Ngân hàng Phát triển Việt Nam	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.087500	F
942	VN0QH0611058		QH061105	NA	Development Bank of Vietnam	Ngân hàng Phát triển Việt Nam	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.087500	F
943	VN0QH0611066		QH061106	NA	Development Bank of Vietnam	Ngân hàng Phát triển Việt Nam	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.087500	F
944	VN0QH0611082		QH061108	NA	Development Bank of Vietnam	Ngân hàng Phát triển Việt Nam	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.087500	F
945	VN0QH0611090		QH061109	NA	Development Bank of Vietnam	Ngân hàng Phát triển Việt Nam	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.087500	F
946	VN0QH0611108		QH061110	NA	Development Bank of Vietnam	Ngân hàng Phát triển Việt Nam	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.087500	F
947	VN0QH0611116		QH061111	NA	Development Bank of Vietnam	Ngân hàng Phát triển Việt Nam	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.087500	F
948	VN0QH0611124		QH061112	NA	Development Bank of Vietnam	Ngân hàng Phát triển Việt Nam	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.087500	F
949	VN0QH0611132		QH061113	NA	Development Bank of Vietnam	Ngân hàng Phát triển Việt Nam	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.087000	F
950	VN0QH0611140		QH061114	NA	Development Bank of Vietnam	Ngân hàng Phát triển Việt Nam	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.087000	F
951	VN0QH0611181		QH061118	NA	Development Bank of Vietnam	Ngân hàng Phát triển Việt Nam	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.084000	F
952	VN0QH0611199		QH061119	NA	Development Bank of Vietnam	Ngân hàng Phát triển Việt Nam	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.084000	F
953	VN0QH0611207		QH061120	NA	Development Bank of Vietnam	Ngân hàng Phát triển Việt Nam	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.084000	F
954	VN0QH0611215		QH061121	NA	Development Bank of Vietnam	Ngân hàng Phát triển Việt Nam	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.087000	F
955	VN0QH0611249		QH061124	NA	Development Bank of Vietnam	Ngân hàng Phát triển Việt Nam	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.085000	F
956	VN0QH0611272		QH061127	NA	Development Bank of Vietnam	Ngân hàng Phát triển Việt Nam	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.085000	F
957	VN0QH0611306		QH061130	NA	Development Bank of Vietnam	Ngân hàng Phát triển Việt Nam	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.085000	F
958	VN0QH0611322		QH061132	NA	Development Bank of Vietnam	Ngân hàng Phát triển Việt Nam	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.085000	F

959	VN0QH0611330		QH061133	NA	Development Bank of Vietnam	Ngân hàng Phát triển Việt Nam	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.085000	F
960	VN0QH0611348		QH061134	NA	Development Bank of Vietnam	Ngân hàng Phát triển Việt Nam	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.085000	F
961	VN0QH0611355		QH061135	NA	Development Bank of Vietnam	Ngân hàng Phát triển Việt Nam	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.085000	F
962	VN0QH0611363		QH061136	NA	Development Bank of Vietnam	Ngân hàng Phát triển Việt Nam	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.085000	F
963	VN0QH0611371		QH061137	NA	Development Bank of Vietnam	Ngân hàng Phát triển Việt Nam	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.085000	F
964	VN0QH0611413		QH061141	NA	Development Bank of Vietnam	Ngân hàng Phát triển Việt Nam	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.085000	F
965	VN0QH0616115		QH061611	NA	Development Bank of Vietnam	Ngân hàng Phát triển Việt Nam	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.089500	F
966	VN0QH0616180		QH061618	NA	Development Bank of Vietnam	Ngân hàng Phát triển Việt Nam	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.086000	F
967	VN0QH0621016		QH062101	NA	Development Bank of Vietnam	Ngân hàng Phát triển Việt Nam	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.092500	F
968	VN0QH0621040		QH062104	NA	Development Bank of Vietnam	Ngân hàng Phát triển Việt Nam	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.092500	F
969	VN0QH0621073		QH062107	NA	Development Bank of Vietnam	Ngân hàng Phát triển Việt Nam	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.092500	F
970	VN0QH0621115		QH062111	NA	Development Bank of Vietnam	Ngân hàng Phát triển Việt Nam	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.092500	F
971	VN0QH0621123		QH062112	NA	Development Bank of Vietnam	Ngân hàng Phát triển Việt Nam	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.092500	F
972	VN0QH0621131		QH062113	NA	Development Bank of Vietnam	Ngân hàng Phát triển Việt Nam	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.092000	F
973	VN0QH0621164		QH062116	NA	Development Bank of Vietnam	Ngân hàng Phát triển Việt Nam	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.092000	F
974	VN0QH0621222		QH062122	NA	Development Bank of Vietnam	Ngân hàng Phát triển Việt Nam	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.092000	F
975	VN0QH0621230		QH062123	NA	Development Bank of Vietnam	Ngân hàng Phát triển Việt Nam	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.089000	F
976	VN0QH0621255		QH062125	NA	Development Bank of Vietnam	Ngân hàng Phát triển Việt Nam	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.090000	F
977	VN0QH0621263		QH062126	NA	Development Bank of Vietnam	Ngân hàng Phát triển Việt Nam	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.092500	F
978	VN0QH0621289		QH062128	NA	Development Bank of Vietnam	Ngân hàng Phát triển Việt Nam	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.090000	F
979	VN0QH0621297		QH062129	NA	Development Bank of Vietnam	Ngân hàng Phát triển Việt Nam	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.090000	F
980	VN0QH0621313		QH062131	NA	Development Bank of Vietnam	Ngân hàng Phát triển Việt Nam	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.090000	F
981	VN0QH0621339		QH062133	NA	Development Bank of Vietnam	Ngân hàng Phát triển Việt Nam	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.090000	F

982	VN0QH0621388		QH062138	NA	Development Bank of Vietnam	Ngân hàng Phát triển Việt Nam	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.090000	F
983	VN0QH0621396		QH062139	NA	Development Bank of Vietnam	Ngân hàng Phát triển Việt Nam	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.090000	F
984	VN0QH0621404		QH062140	NA	Development Bank of Vietnam	Ngân hàng Phát triển Việt Nam	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.090000	F
985	VN0QH0621420		QH062142	NA	Development Bank of Vietnam	Ngân hàng Phát triển Việt Nam	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.090000	F
986	VN0QH0709043		QH070904	DA	Development Bank of Vietnam	Ngân hàng Phát triển Việt Nam	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.077000	F
987	VN0QH0709068		QH070906	DA	Development Bank of Vietnam	Ngân hàng Phát triển Việt Nam	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.077000	F
988	VN0QH0709159		QH070915	DA	Development Bank of Vietnam	Ngân hàng Phát triển Việt Nam	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.074000	F
989	VN0QH0709167		QH070916	DA	Development Bank of Vietnam	Ngân hàng Phát triển Việt Nam	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.072000	F
990	VN0QH0709183		QH070918	DA	Development Bank of Vietnam	Ngân hàng Phát triển Việt Nam	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.066000	F
991	VN0QH0709209		QH070920	DA	Development Bank of Vietnam	Ngân hàng Phát triển Việt Nam	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.067000	F
992	VN0QH0710165		QH071016	NA	Development Bank of Vietnam	Ngân hàng Phát triển Việt Nam	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.073000	F
993	VN0QH0710181		QH071018	NA	Development Bank of Vietnam	Ngân hàng Phát triển Việt Nam	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.067000	F
994	VN0QH0710207		QH071020	NA	Development Bank of Vietnam	Ngân hàng Phát triển Việt Nam	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.068000	F
995	VN0QH0712013		QH071201	NA	Development Bank of Vietnam	Ngân hàng Phát triển Việt Nam	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.084000	F
996	VN0QH0712021		QH071202	NA	Development Bank of Vietnam	Ngân hàng Phát triển Việt Nam	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.084000	F
997	VN0QH0712039		QH071203	NA	Development Bank of Vietnam	Ngân hàng Phát triển Việt Nam	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.084000	F
998	VN0QH0712070		QH071207	NA	Development Bank of Vietnam	Ngân hàng Phát triển Việt Nam	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.084000	F
999	VN0QH0712088		QH071208	NA	Development Bank of Vietnam	Ngân hàng Phát triển Việt Nam	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.084000	F
1000	VN0QH0712104		QH071210	NA	Development Bank of Vietnam	Ngân hàng Phát triển Việt Nam	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.084000	F
1001	VN0QH0712112		QH071211	NA	Development Bank of Vietnam	Ngân hàng Phát triển Việt Nam	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.081000	F
1002	VN0QH0712120		QH071212	NA	Development Bank of Vietnam	Ngân hàng Phát triển Việt Nam	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.081000	F
1003	VN0QH0712138		QH071213	NA	Development Bank of Vietnam	Ngân hàng Phát triển Việt Nam	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.084000	F
1004	VN0QH0717145		QH071714	NA	Development Bank of Vietnam	Ngân hàng Phát triển Việt Nam	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.085000	F

1005	VN0QH0717178		QH071717	NA	Development Bank of Vietnam	Ngân hàng Phát triển Việt Nam	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.072000	F
1006	VN0QH0717228		QH071722	NA	Development Bank of Vietnam	Ngân hàng Phát triển Việt Nam	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.079500	F
1007	VN0QH0722053		QH072205	NA	Development Bank of Vietnam	Ngân hàng Phát triển Việt Nam	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.090000	F
1008	VN0QH0722095		QH072209	NA	Development Bank of Vietnam	Ngân hàng Phát triển Việt Nam	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.090000	F
1009	VN0QH0722137		QH072213	NA	Development Bank of Vietnam	Ngân hàng Phát triển Việt Nam	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.090000	F
1010	VN0QH0722160		QH072216	NA	Development Bank of Vietnam	Ngân hàng Phát triển Việt Nam	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.088000	F
1011	VN0QH0722194		QH072219	NA	Development Bank of Vietnam	Ngân hàng Phát triển Việt Nam	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.076000	F
1012	VN0QH0722210		QH072221	NA	Development Bank of Vietnam	Ngân hàng Phát triển Việt Nam	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.080000	F
1013	VN0QH0722236		QH072223	NA	Development Bank of Vietnam	Ngân hàng Phát triển Việt Nam	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.084000	F
1014	VN0QH0722244		QH072224	NA	Development Bank of Vietnam	Ngân hàng Phát triển Việt Nam	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.084000	F
1015	VNQB0712250		QHB071225	NA	Development Bank of Vietnam	Ngân hàng Phát triển Việt Nam	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.080000	F
1016	VNBB08100034		QHB0810003	NA	Development Bank of Vietnam	Ngân hàng Phát triển Việt Nam	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.077000	F
1017	VNBB08100067		QHB0810006	DA	Development Bank of Vietnam	Ngân hàng Phát triển Việt Nam	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.077000	F
1018	VNBB08100075		QHB0810007	NA	Development Bank of Vietnam	Ngân hàng Phát triển Việt Nam	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.077000	F
1019	VNBB08100141		QHB0810014	NA	Development Bank of Vietnam	Ngân hàng Phát triển Việt Nam	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.077000	F
1020	VNBB08100158		QHB0810015	NA	Development Bank of Vietnam	Ngân hàng Phát triển Việt Nam	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.077000	F
1021	VNBB08100208		QHB0810020	NA	Development Bank of Vietnam	Ngân hàng Phát triển Việt Nam	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.075000	F
1022	VNBB08110181		QHB0811018	NA	Development Bank of Vietnam	Ngân hàng Phát triển Việt Nam	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.080000	F
1023	VNBD08180307		QHD0818030	NA	Development Bank of Vietnam	Ngân hàng Phát triển Việt Nam	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.150000	F
1024	VNBD08230235		QHD0823023	NA	Development Bank of Vietnam	Ngân hàng Phát triển Việt Nam	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.150000	F
1025	VNBD08230318		QHD0823031	NA	Development Bank of Vietnam	Ngân hàng Phát triển Việt Nam	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.150000	F
1026	VNBD08230326		QHD0823032	NA	Development Bank of Vietnam	Ngân hàng Phát triển Việt Nam	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.150000	F
1027	VN00TP401053		TP4_0105	NA	Development Bank of Vietnam	Ngân hàng Phát triển Việt Nam	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.091000	F

1028	VN0TP411045		TP4_1104	NA	Development Bank of Vietnam	Ngân hàng Phát triển Việt Nam	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.090000	F
1029	VN0TP413041		TP4_1304	NA	Development Bank of Vietnam	Ngân hàng Phát triển Việt Nam	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.090000	F
1030	VN0TP4A01053		TP4A0105	NA	Development Bank of Vietnam	Ngân hàng Phát triển Việt Nam	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.087000	F
1031	VN0TP4A01061		TP4A0106	NA	Development Bank of Vietnam	Ngân hàng Phát triển Việt Nam	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.087500	F
1032	VN0TP4A02069		TP4A0206	NA	Development Bank of Vietnam	Ngân hàng Phát triển Việt Nam	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.092500	F
1033	VN0TP4A03059		TP4A0305	NA	Development Bank of Vietnam	Ngân hàng Phát triển Việt Nam	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.087000	F
1034	VN0TP4A03067		TP4A0306	NA	Development Bank of Vietnam	Ngân hàng Phát triển Việt Nam	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.092500	F
1035	VN0TP4A04057		TP4A0405	NA	Development Bank of Vietnam	Ngân hàng Phát triển Việt Nam	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.090000	F
1036	VN0TP4A04065		TP4A0406	NA	Development Bank of Vietnam	Ngân hàng Phát triển Việt Nam	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.092500	F
1037	VN0TP4A05054		TP4A0505	NA	Development Bank of Vietnam	Ngân hàng Phát triển Việt Nam	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.088000	F
1038	VN0TP4A06052		TP4A0605	NA	Development Bank of Vietnam	Ngân hàng Phát triển Việt Nam	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.091000	F
1039	VN0TP4A06060		TP4A0606	NA	Development Bank of Vietnam	Ngân hàng Phát triển Việt Nam	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.087500	F
1040	VN0TP4A07068		TP4A0706	NA	Development Bank of Vietnam	Ngân hàng Phát triển Việt Nam	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.092500	F
1041	VN0TP4A08066		TP4A0806	NA	Development Bank of Vietnam	Ngân hàng Phát triển Việt Nam	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.092500	F
1042	VN0TP4A09056		TP4A0905	NA	Development Bank of Vietnam	Ngân hàng Phát triển Việt Nam	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.088000	F
1043	VN0TP4A09064		TP4A0906	NA	Development Bank of Vietnam	Ngân hàng Phát triển Việt Nam	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.087500	F
1044	VN0TP4A10054		TP4A1005	NA	Development Bank of Vietnam	Ngân hàng Phát triển Việt Nam	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.088000	F
1045	VN0TP4A10062		TP4A1006	NA	Development Bank of Vietnam	Ngân hàng Phát triển Việt Nam	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.092500	F
1046	VN0TP4A11052		TP4A1105	NA	Development Bank of Vietnam	Ngân hàng Phát triển Việt Nam	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.091000	F
1047	VN0TP4A12050		TP4A1205	NA	Development Bank of Vietnam	Ngân hàng Phát triển Việt Nam	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.088000	F
1048	VN0TP4A12068		TP4A1206	NA	Development Bank of Vietnam	Ngân hàng Phát triển Việt Nam	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.092500	F
1049	VN0TP4A13058		TP4A1305	NA	Development Bank of Vietnam	Ngân hàng Phát triển Việt Nam	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.091000	F
1050	VN0TP4A13066		TP4A1306	NA	Development Bank of Vietnam	Ngân hàng Phát triển Việt Nam	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.092500	F

1051	VN0TP4A14056		TP4A1405	NA	Development Bank of Vietnam	Ngân hàng Phát triển Việt Nam	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.088000	F
1052	VN0TP4A14064		TP4A1406	DA	Development Bank of Vietnam	Ngân hàng Phát triển Việt Nam	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.081500	F
1053	VN0TP4A15053		TP4A1505	NA	Development Bank of Vietnam	Ngân hàng Phát triển Việt Nam	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.092000	F
1054	VN0TP4A16069		TP4A1606	NA	Development Bank of Vietnam	Ngân hàng Phát triển Việt Nam	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.092500	F
1055	VN0TP4A17059		TP4A1705	NA	Development Bank of Vietnam	Ngân hàng Phát triển Việt Nam	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.089000	F
1056	VN0TP4A18057		TP4A1805	NA	Development Bank of Vietnam	Ngân hàng Phát triển Việt Nam	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.093000	F
1057	VN0TP4A19055		TP4A1905	NA	Development Bank of Vietnam	Ngân hàng Phát triển Việt Nam	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.093000	F
1058	VN0TP4A22059		TP4A2205	NA	Development Bank of Vietnam	Ngân hàng Phát triển Việt Nam	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.089500	F
1059	VN0TP4A23057		TP4A2305	NA	Development Bank of Vietnam	Ngân hàng Phát triển Việt Nam	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.089500	F
1060	VN0TP4A25052		TP4A2505	NA	Development Bank of Vietnam	Ngân hàng Phát triển Việt Nam	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.089500	F
1061	VN0TP4A27058		TP4A2705	NA	Development Bank of Vietnam	Ngân hàng Phát triển Việt Nam	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.092500	F
1062	VN0TP4A29054		TP4A2905	NA	Development Bank of Vietnam	Ngân hàng Phát triển Việt Nam	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.092500	F
1063	VN0TP4A30052		TP4A3005	NA	Development Bank of Vietnam	Ngân hàng Phát triển Việt Nam	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.092500	F
1064	VN0TP4A31050		TP4A3105	NA	Development Bank of Vietnam	Ngân hàng Phát triển Việt Nam	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.092500	F
1065	VN0TP4A32058		TP4A3205	NA	Development Bank of Vietnam	Ngân hàng Phát triển Việt Nam	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.092500	F
1066	VN0TP4A34047		TP4A3404	NA	Development Bank of Vietnam	Ngân hàng Phát triển Việt Nam	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.090000	F
1067	VN0TP4A35044		TP4A3504	NA	Development Bank of Vietnam	Ngân hàng Phát triển Việt Nam	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.090000	F
1068	VN0TP4A37040		TP4A3704	NA	Development Bank of Vietnam	Ngân hàng Phát triển Việt Nam	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.090000	F
1069	VN0TP4A38048		TP4A3804	NA	Development Bank of Vietnam	Ngân hàng Phát triển Việt Nam	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.090000	F
1070	VN0TP4A39046		TP4A3904	NA	Development Bank of Vietnam	Ngân hàng Phát triển Việt Nam	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.090000	F
1071	VN0TP4A40044		TP4A4004	NA	Development Bank of Vietnam	Ngân hàng Phát triển Việt Nam	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.090000	F
1072	VN0TP4A41042		TP4A4104	NA	Development Bank of Vietnam	Ngân hàng Phát triển Việt Nam	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.090000	F
1073	VN0TP4A42040		TP4A4204	NA	Development Bank of Vietnam	Ngân hàng Phát triển Việt Nam	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.090000	F

1074	VN0TP4A45043		TP4A4504	NA	Development Bank of Vietnam	Ngân hàng Phát triển Việt Nam	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.090000	F
1075	VN0TP4A46041		TP4A4604	NA	Development Bank of Vietnam	Ngân hàng Phát triển Việt Nam	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.090000	F
1076	VN0TP4A47049		TP4A4704	NA	Development Bank of Vietnam	Ngân hàng Phát triển Việt Nam	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.090000	F
1077	VN0TP4A48047		TP4A4804	NA	Development Bank of Vietnam	Ngân hàng Phát triển Việt Nam	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.090000	F
1078	VN0TP4A49045		TP4A4904	NA	Development Bank of Vietnam	Ngân hàng Phát triển Việt Nam	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.090000	F
1079	VN0TP4A50043		TP4A5004	NA	Development Bank of Vietnam	Ngân hàng Phát triển Việt Nam	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.090000	F
1080	VN0TP4A51041		TP4A5104	NA	Development Bank of Vietnam	Ngân hàng Phát triển Việt Nam	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.077500	F
1081	VN0TP4A52049		TP4A5204	NA	Development Bank of Vietnam	Ngân hàng Phát triển Việt Nam	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.090000	F
1082	VNBB08130536		QHB0813053	NA	Development Bank of Vietnam	Ngân hàng Phát triển Việt Nam	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.150000	F
1083	VNBB08130544		QHB0813054	NA	Development Bank of Vietnam	Ngân hàng Phát triển Việt Nam	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.150000	F
1084	VNBB08130619		QHB0813061	NA	Development Bank of Vietnam	Ngân hàng Phát triển Việt Nam	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.150000	F
1085	VNBB08130627		QHB0813062	NA	Development Bank of Vietnam	Ngân hàng Phát triển Việt Nam	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.150000	F
1086	VNBB08130635		QHB0813063	NA	Development Bank of Vietnam	Ngân hàng Phát triển Việt Nam	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.150000	F
1087	VNBB08180333		QHB0818033	NA	Development Bank of Vietnam	Ngân hàng Phát triển Việt Nam	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.150000	F
1088	VNBB08180432		QHB0818043	NA	Development Bank of Vietnam	Ngân hàng Phát triển Việt Nam	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.150000	F
1089	VNBB08180481		QHB0818048	NA	Development Bank of Vietnam	Ngân hàng Phát triển Việt Nam	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.150000	F
1090	VNBB08230369		QHB0823036	NA	Development Bank of Vietnam	Ngân hàng Phát triển Việt Nam	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.150000	F
1091	VNBB08230393		QHB0823039	NA	Development Bank of Vietnam	Ngân hàng Phát triển Việt Nam	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.150000	F
1092	VNBB08230443		QHB0823044	NA	Development Bank of Vietnam	Ngân hàng Phát triển Việt Nam	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.150000	F
1093	VNBB08230492		QHB0823049	NA	Development Bank of Vietnam	Ngân hàng Phát triển Việt Nam	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.150000	F
1094	VNBD08110551		QHD0811055	NA	Development Bank of Vietnam	Ngân hàng Phát triển Việt Nam	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.150000	F
1095	VNBD08110593		QHD0811059	NA	Development Bank of Vietnam	Ngân hàng Phát triển Việt Nam	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.150000	F
1096	VNBD08130476		QHD0813047	NA	Development Bank of Vietnam	Ngân hàng Phát triển Việt Nam	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.150000	F

1097	VNBD08130567		QHD0813056	NA	Development Bank of Vietnam	Ngân hàng Phát triển Việt Nam	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.150000	F
1098	VNBD08130609		QHD0813060	NA	Development Bank of Vietnam	Ngân hàng Phát triển Việt Nam	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.150000	F
1099	VNBD08230425		QHD0823042	NA	Development Bank of Vietnam	Ngân hàng Phát triển Việt Nam	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.150000	F
1100	VNBD08230508		QHD0823050	NA	Development Bank of Vietnam	Ngân hàng Phát triển Việt Nam	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.150000	F
1101	VNBB08110652		QHB0811065	NA	Development Bank of Vietnam	Ngân hàng Phát triển Việt Nam	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.150000	F
1102	VNBB08110686		QHB0811068	NA	Development Bank of Vietnam	Ngân hàng Phát triển Việt Nam	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.110000	F
1103	VNBB08110785		QHB0811078	NA	Development Bank of Vietnam	Ngân hàng Phát triển Việt Nam	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.110000	F
1104	VNBB08130627		QHB0813062	NA	Development Bank of Vietnam	Ngân hàng Phát triển Việt Nam	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.150000	F
1105	VNBB08130635		QHB0813063	NA	Development Bank of Vietnam	Ngân hàng Phát triển Việt Nam	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.150000	F
1106	VNBB08130643		QHB0813064	NA	Development Bank of Vietnam	Ngân hàng Phát triển Việt Nam	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.150000	F
1107	VNBB08130668		QHB0813066	NA	Development Bank of Vietnam	Ngân hàng Phát triển Việt Nam	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.150000	F
1108	VNBB08130692		QHB0813069	NA	Development Bank of Vietnam	Ngân hàng Phát triển Việt Nam	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.110000	F
1109	VNBB08130726		QHB0813072	NA	Development Bank of Vietnam	Ngân hàng Phát triển Việt Nam	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.110000	F
1110	VNBB08130734		QHB0813073	NA	Development Bank of Vietnam	Ngân hàng Phát triển Việt Nam	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.110000	F
1111	VNBD08110676		QHD0811067	NA	Development Bank of Vietnam	Ngân hàng Phát triển Việt Nam	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.110000	F
1112	VNBD08110767		QHD0811076	NA	Development Bank of Vietnam	Ngân hàng Phát triển Việt Nam	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.107400	F
1113	VNBD08130757		QHD0813075	NA	Development Bank of Vietnam	Ngân hàng Phát triển Việt Nam	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.098000	F
1114	VNBD08130773		QHD0813077	NA	Development Bank of Vietnam	Ngân hàng Phát triển Việt Nam	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.108900	F
1115	VNBB08110843		QHB0811084	NA	Development Bank of Vietnam	Ngân hàng Phát triển Việt Nam	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.090000	F
1116	VNBD08110858		QHD0811085	NA	Development Bank of Vietnam	Ngân hàng Phát triển Việt Nam	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.089800	F
1117	VNBB08110868		QHB0811086	NA	Development Bank of Vietnam	Ngân hàng Phát triển Việt Nam	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.090000	F
1118	VNBB08130874		QHB0813087	NA	Development Bank of Vietnam	Ngân hàng Phát triển Việt Nam	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.090000	F
1119	VNBB08110884		QHB0811088	NA	Development Bank of Vietnam	Ngân hàng Phát triển Việt Nam	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.087500	F

1120	VNBB08110892		QHB0811089	NA	Development Bank of Vietnam	Ngân hàng Phát triển Việt Nam	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.087500	F
1121	VNTB08110801		CPB0811080	NA	State Treasury - Ministry of Finance	Kho bạc Nhà nước - Bộ Tài chính	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.095000	F
1122	VNTB08100794		CPB0810079	NA	State Treasury - Ministry of Finance	Kho bạc Nhà nước - Bộ Tài chính	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.098000	F
1123	VNTB09110016		CPB0911001	NA	State Treasury - Ministry of Finance	Kho bạc Nhà nước - Bộ Tài chính	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.080000	F
1124	VNTB09120023		CPB0912002	NA	State Treasury - Ministry of Finance	Kho bạc Nhà nước - Bộ Tài chính	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.080500	F
1125	VNTB09140039		CPB0914003	NA	State Treasury - Ministry of Finance	Kho bạc Nhà nước - Bộ Tài chính	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.081500	F
1126	VNTD09110048		CPD0911004	NA	State Treasury - Ministry of Finance	Kho bạc Nhà nước - Bộ Tài chính	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.067000	F
1127	VNTD09100056		CPD0910005	NA	State Treasury - Ministry of Finance	Kho bạc Nhà nước - Bộ Tài chính	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.030000	F
1128	VNTD09110063		CPD0911006	NA	State Treasury - Ministry of Finance	Kho bạc Nhà nước - Bộ Tài chính	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.032000	F
1129	VNTD09120070		CPD0912007	NA	State Treasury - Ministry of Finance	Kho bạc Nhà nước - Bộ Tài chính	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.036000	F
1130	VNBD09190081		QHD0919008	NA	Development Bank of Vietnam	Ngân hàng Phát triển Việt Nam	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.092000	F
1131	VNTB09110099		CPB0911009	NA	State Treasury - Ministry of Finance	Ngân hàng Phát triển Việt Nam	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.087000	F
1132	VNTB09120106		CPB0912010	NA	State Treasury - Ministry of Finance	Ngân hàng Phát triển Việt Nam	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.090000	F
985	VNTB09120114		CPB0912011	NA	State Treasury - Ministry of Finance	Ngân hàng Phát triển Việt Nam	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.090000	F
986	VNBB09110149		QHB0911014	NA	Development Bank of Vietnam	Ngân hàng Phát triển Việt Nam	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.089000	F
987	VNBB09110156		QHB0911015	NA	Development Bank of Vietnam	Ngân hàng Phát triển Việt Nam	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.089000	F
988	VN0QH0609094		QH060909	NA	Development Bank of Vietnam	Ngân hàng Phát triển Việt Nam	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.081500	F
989	VN0QH0609110		QH060911	NA	Development Bank of Vietnam	Ngân hàng Phát triển Việt Nam	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.081500	F
990	VN0QH0609102		QH060910	NA	Development Bank of Vietnam	Ngân hàng Phát triển Việt Nam	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.081500	F
991	VN0TP1A11041		TP1A1104	NA	Development Bank of Vietnam	Ngân hàng Phát triển Việt Nam	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.084500	F
992	VN00TP113047		TP1_1304	NA	Development Bank of Vietnam	Ngân hàng Phát triển Việt Nam	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.084500	F
993	VN0QH0609136		QH060913	NA	Development Bank of Vietnam	Ngân hàng Phát triển Việt Nam	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.081000	F
994	VNCPB0709291		CPB070929	NA	Development Bank of Vietnam	Ngân hàng Phát triển Việt Nam	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.071500	F

995	VN0TP1A12049		TP1A1204	NA	Development Bank of Vietnam	Ngân hàng Phát triển Việt Nam	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.084500	F
996	VNBB09110198		QHB0911019	NA	Development Bank of Vietnam	Ngân hàng Phát triển Việt Nam	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.092000	F
997	VN0HCMB09015		HCMB0901	NA	HoChiMinh City Investment Fund for Urban Development	Quỹ đầu tư Phát triển Đô thị Tp.HCM	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.104000	F
998	VN0HCMB09023		HCMB0902	NA	HoChiMinh City Investment Fund for Urban Development	Quỹ đầu tư Phát triển Đô thị Tp.HCM	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.104000	F
999	VN0HCMB09031		HCMB0903	NA	HoChiMinh City Investment Fund for Urban Development	Quỹ đầu tư Phát triển Đô thị Tp.HCM	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.104000	F
1000	VNBB09110206		QHB0911020	NA	Development Bank of Vietnam	Ngân hàng Phát triển Việt Nam	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.092000	F
1001	VN0VEC109066		VEC10606	NA	Vietnam Expressway Corporation	Công ty Đầu tư Phát triển đường cao tốc Việt Nam	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.094000	F
1002	VN0VEC109074		VEC10907	NA	Vietnam Expressway Corporation	Công ty Đầu tư Phát triển đường cao tốc Việt Nam	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.100000	F
1003	VN0VEC109082		VEC10908	NA	Vietnam Expressway Corporation	Công ty Đầu tư Phát triển đường cao tốc Việt Nam	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.105000	F
1004	VN0VEC109090		VEC109090	NA	Vietnam Expressway Corporation	Công ty Đầu tư Phát triển đường cao tốc Việt Nam	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.105000	F
1005	VNCPB0709325		CPB070932	NA	State Treasury - Ministry of Finance	Kho bạc Nhà nước - Bộ Tài chính	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.073000	F
1006	VN0TP1A15042		TP1A1504	NA	State Treasury - Ministry of Finance	Kho bạc Nhà nước - Bộ Tài chính	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	20091012 (Hủy)	F
1007	VNBB09110214		QHB0911021	NA	Development Bank of Vietnam	Ngân hàng Phát triển Việt Nam	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.089000	F
1008	VNBB09120221		QHB0912022	NA	Development Bank of Vietnam	Ngân hàng Phát triển Việt Nam	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.092000	F
1009	VNTB09100231		CPB0910023	NA	State Treasury - Ministry of Finance	Kho bạc Nhà nước - Bộ Tài chính	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100	VN	USD	0.031500	F
1010	VNBD09190248		QHD0919024	NA	Development Bank of Vietnam	Ngân hàng Phát triển Việt Nam	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.099000	F
1011	VNBD09140250		QHD0914025	NA	Development Bank of Vietnam	Ngân hàng Phát triển Việt Nam	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.090000	F
1012	VNTD09140268		CPD0914026	NA	State Treasury - Ministry of Finance	Kho bạc Nhà nước - Bộ Tài chính	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.108000	F
1013	VNTB09110271		CPB0911027	NA	State Treasury - Ministry of Finance	Kho bạc Nhà nước - Bộ Tài chính	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.108000	F
1014	VNTB09120288		CPB0912028	NA	State Treasury - Ministry of Finance	Kho bạc Nhà nước - Bộ Tài chính	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.108000	F
1015	VNBB09120296		QHB0912029	NA	Development Bank of Vietnam	Ngân hàng Phát triển Việt Nam	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.110000	F
1016	VNBB09120304		QHB0912030	NA	Development Bank of Vietnam	Ngân hàng Phát triển Việt Nam	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.110000	F
1017	VNTD09100312		CPD0910031	NA	State Treasury - Ministry of Finance	Kho bạc Nhà nước - Bộ Tài chính	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100	VN	USD	0.040000	F

1018	VNTB10120012		CPB1012001	NA	State Treasury - Ministry of Finance	Kho bạc Nhà nước - Bộ Tài chính	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.110000	F
------	--------------	--	------------	----	--------------------------------------	---------------------------------	-------------------	---------	----	-----	----------	---

V. TRÁI PHIẾU CÔNG TRÌNH/ CONSTRUCTION BONDS

1019	VN0DNAA01056		DNAA0105	NA	Investment & Development Fund in Dong Nai Province	Quỹ Đầu tư và Phát triển tỉnh Đồng Nai	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.088000	F
1020	VN0DNAA02054		DNAA0205	NA	Investment & Development Fund in Dong Nai Province	Quỹ Đầu tư và Phát triển tỉnh Đồng Nai	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.088000	F
1021	VN0DNAA03052		DNAA0305	NA	Investment & Development Fund in Dong Nai Province	Quỹ Đầu tư và Phát triển tỉnh Đồng Nai	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.080000	F

VI. TRÁI PHIẾU ĐÔ THỊ/ MUNICIPAL BONDS

1022	VN00HCM01065		HCM_0106	NA	Urban Development and Investment Fund in Ho Chi Minh City	Quỹ Đầu tư và Phát triển đô thị TP.HCM	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.089500	F
1023	VN00HCM01073		HCM_0107	NA	Urban Development and Investment Fund in Ho Chi Minh City	Quỹ Đầu tư và Phát triển đô thị TP.HCM	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.078000	F
1024	VN00HCM02048		HCM_0204	NA	Urban Development and Investment Fund in Ho Chi Minh City	Quỹ Đầu tư và Phát triển đô thị TP.HCM	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.085200	F
1025	VN00HCM02063		HCM_0206	NA	Urban Development and Investment Fund in Ho Chi Minh City	Quỹ Đầu tư và Phát triển đô thị TP.HCM	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.091500	F
1026	VN00HCM02071		HCM_0207	NA	Urban Development and Investment Fund in Ho Chi Minh City	Quỹ Đầu tư và Phát triển đô thị TP.HCM	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.079000	F
1027	VN00HCM03061		HCM_0306	NA	Urban Development and Investment Fund in Ho Chi Minh City	Quỹ Đầu tư và Phát triển đô thị TP.HCM	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.094500	F
1028	VN00HCM03079		HCM_0307	NA	Urban Development and Investment Fund in Ho Chi Minh City	Quỹ Đầu tư và Phát triển đô thị TP.HCM	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.082500	F
1029	VN00HCM04069		HCM_0406	NA	Urban Development and Investment Fund in Ho Chi Minh City	Quỹ Đầu tư và Phát triển đô thị TP.HCM	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.092500	F
1030	VN00HCM04077		HCM_0407	NA	Urban Development and Investment Fund in Ho Chi Minh City	Quỹ Đầu tư và Phát triển đô thị TP.HCM	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.078000	F
1031	VN00HCM05066		HCM_0506	NA	Urban Development and Investment Fund in Ho Chi Minh City	Quỹ Đầu tư và Phát triển đô thị TP.HCM	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.095500	F
1032	VN00HCM05074		HCM_0507	NA	Urban Development and Investment Fund in Ho Chi Minh City	Quỹ Đầu tư và Phát triển đô thị TP.HCM	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.085000	F
1033	VN00HCM06064		HCM_0606	NA	Urban Development and Investment Fund in Ho Chi Minh City	Quỹ Đầu tư và Phát triển đô thị TP.HCM	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.092500	F
1034	VN00HCM06072		HCM_0607	NA	Urban Development and Investment Fund in Ho Chi Minh City	Quỹ Đầu tư và Phát triển đô thị TP.HCM	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.088000	F
1035	VN00HCM07062		HCM_0706	NA	Urban Development and Investment Fund in Ho Chi Minh City	Quỹ Đầu tư và Phát triển đô thị TP.HCM	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.095500	F
1036	VN00HCM07070		HCM_0707	NA	Urban Development and Investment Fund in Ho Chi Minh City	Quỹ Đầu tư và Phát triển đô thị TP.HCM	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.085000	F
1037	VN00HCM08060		HCM_0806	NA	Urban Development and Investment Fund in Ho Chi Minh City	Quỹ Đầu tư và Phát triển đô thị TP.HCM	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.088000	F
1038	VN00HCM08078		HCM_0807	NA	Urban Development and Investment Fund in Ho Chi Minh City	Quỹ Đầu tư và Phát triển đô thị TP.HCM	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.088000	F

1039	VN00HCM09076		HCM_0907	NA	Urban Development and Investment Fund in Ho Chi Minh City	Quỹ Đầu tư và Phát triển đô thị TP.HCM	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.080000	F
1040	VN00HCM10074		HCM_1007	NA	Urban Development and Investment Fund in Ho Chi Minh City	Quỹ Đầu tư và Phát triển đô thị TP.HCM	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.087500	F
1041	VN00HCM11072		HCM_1107	NA	Urban Development and Investment Fund in Ho Chi Minh City	Quỹ Đầu tư và Phát triển đô thị TP.HCM	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.088000	F
1042	VN00HCM12070		HCM_1207	NA	Urban Development and Investment Fund in Ho Chi Minh City	Quỹ Đầu tư và Phát triển đô thị TP.HCM	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.084000	F
1043	VN0HCMA01048		HCMA0104	NA	Urban Development and Investment Fund in Ho Chi Minh City	Quỹ Đầu tư và Phát triển đô thị TP.HCM	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.085200	F
1044	VN0HCMA01055		HCMA0105	NA	Urban Development and Investment Fund in Ho Chi Minh City	Quỹ Đầu tư và Phát triển đô thị TP.HCM	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.089000	F
1045	VN0HCMA01063		HCMA0106	NA	Urban Development and Investment Fund in Ho Chi Minh City	Quỹ Đầu tư và Phát triển đô thị TP.HCM	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.090500	F
1046	VN0HCMA01071		HCMA0107	NA	Urban Development and Investment Fund in Ho Chi Minh City	Quỹ Đầu tư và Phát triển đô thị TP.HCM	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.088000	F
1047	VN0HCMA02046		HCMA0204	NA	Urban Development and Investment Fund in Ho Chi Minh City	Quỹ Đầu tư và Phát triển đô thị TP.HCM	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.090000	F
1048	VN0HCMA02053		HCMA0205	NA	Urban Development and Investment Fund in Ho Chi Minh City	Quỹ Đầu tư và Phát triển đô thị TP.HCM	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.094000	F
1049	VN0HCMA02061		HCMA0206	NA	Urban Development and Investment Fund in Ho Chi Minh City	Quỹ Đầu tư và Phát triển đô thị TP.HCM	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.095500	F
1050	VN0HCMA02079		HCMA0207	NA	Urban Development and Investment Fund in Ho Chi Minh City	Quỹ Đầu tư và Phát triển đô thị TP.HCM	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.088000	F
1051	VN0HCMA03051		HCMA0305	NA	Urban Development and Investment Fund in Ho Chi Minh City	Quỹ Đầu tư và Phát triển đô thị TP.HCM	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.094500	F
1052	VN0HCMA03069		HCMA0306	NA	Urban Development and Investment Fund in Ho Chi Minh City	Quỹ Đầu tư và Phát triển đô thị TP.HCM	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.090500	F
1053	VN0HCMA03077		HCMA0307	NA	Urban Development and Investment Fund in Ho Chi Minh City	Quỹ Đầu tư và Phát triển đô thị TP.HCM	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.090000	F
1054	VN0HCMA04042		HCMA0404	NA	Urban Development and Investment Fund in Ho Chi Minh City	Quỹ Đầu tư và Phát triển đô thị TP.HCM	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.087000	F
1055	VN0HCMA04059		HCMA0405	NA	Urban Development and Investment Fund in Ho Chi Minh City	Quỹ Đầu tư và Phát triển đô thị TP.HCM	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.089500	F
1056	VN0HCMA04067		HCMA0406	NA	Urban Development and Investment Fund in Ho Chi Minh City	Quỹ Đầu tư và Phát triển đô thị TP.HCM	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.095500	F
1057	VN0HCMA04075		HCMA0407	NA	Urban Development and Investment Fund in Ho Chi Minh City	Quỹ Đầu tư và Phát triển đô thị TP.HCM	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.085000	F
1058	VN0HCMA05049		HCMA0504	NA	Urban Development and Investment Fund in Ho Chi Minh City	Quỹ Đầu tư và Phát triển đô thị TP.HCM	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.087000	F
1059	VN0HCMA05056		HCMA0505	NA	Urban Development and Investment Fund in Ho Chi Minh City	Quỹ Đầu tư và Phát triển đô thị TP.HCM	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.095500	F
1060	VN0HCMA05064		HCMA0506	NA	Urban Development and Investment Fund in Ho Chi Minh City	Quỹ Đầu tư và Phát triển đô thị TP.HCM	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.092500	F
1061	VN0HCMA06047		HCMA0604	NA	Urban Development and Investment Fund in Ho Chi Minh City	Quỹ Đầu tư và Phát triển đô thị TP.HCM	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.087000	F

1062	VN0HCMA06054		HCMA0605	NA	Urban Development and Investment Fund in Ho Chi Minh City	Quỹ Đầu tư và Phát triển đô thị TP.HCM	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.090500	F
1063	VN0HCMA06062		HCMA0606	NA	Urban Development and Investment Fund in Ho Chi Minh City	Quỹ Đầu tư và Phát triển đô thị TP.HCM	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.095500	F
1064	VN0HCMA07052		HCMA0705	NA	Urban Development and Investment Fund in Ho Chi Minh City	Quỹ Đầu tư và Phát triển đô thị TP.HCM	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.090500	F
1065	VN0HCMA08050		HCMA0805	NA	Urban Development and Investment Fund in Ho Chi Minh City	Quỹ Đầu tư và Phát triển đô thị TP.HCM	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.095500	F
1066	VN0HCMA08068		HCMA0806	NA	Urban Development and Investment Fund in Ho Chi Minh City	Quỹ Đầu tư và Phát triển đô thị TP.HCM	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.092500	F
1067	VN0HCMA09058		HCMA0905	NA	Urban Development and Investment Fund in Ho Chi Minh City	Quỹ Đầu tư và Phát triển đô thị TP.HCM	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.090500	F
1068	VN0HCMA09066		HCMA0906	NA	Urban Development and Investment Fund in Ho Chi Minh City	Quỹ Đầu tư và Phát triển đô thị TP.HCM	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.095500	F
1069	VN0HCMA10056		HCMA1005	NA	Urban Development and Investment Fund in Ho Chi Minh City	Quỹ Đầu tư và Phát triển đô thị TP.HCM	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.095500	F
1070	VN0HCMA11054		HCMA1105	NA	Urban Development and Investment Fund in Ho Chi Minh City	Quỹ Đầu tư và Phát triển đô thị TP.HCM	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.091000	F
1071	VN0HCMA12052		HCMA1205	NA	Urban Development and Investment Fund in Ho Chi Minh City	Quỹ Đầu tư và Phát triển đô thị TP.HCM	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.096000	F
1072	VN0HCMA13050		HCMA1305	NA	Urban Development and Investment Fund in Ho Chi Minh City	Quỹ Đầu tư và Phát triển đô thị TP.HCM	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.091000	F
1073	VN0HCMA14058		HCMA1405	NA	Urban Development and Investment Fund in Ho Chi Minh City	Quỹ Đầu tư và Phát triển đô thị TP.HCM	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.096000	F
1074	VN0HCMA15055		HCMA1505	NA	Urban Development and Investment Fund in Ho Chi Minh City	Quỹ Đầu tư và Phát triển đô thị TP.HCM	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.091500	F
1075	VN0HCMA16053		HCMA1605	NA	Urban Development and Investment Fund in Ho Chi Minh City	Quỹ Đầu tư và Phát triển đô thị TP.HCM	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.096500	F
1076	VN0HCMA17051		HCMA1705	NA	Urban Development and Investment Fund in Ho Chi Minh City	Quỹ Đầu tư và Phát triển đô thị TP.HCM	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.091500	F
1077	VN0HCMA18059		HCMA1805	NA	Urban Development and Investment Fund in Ho Chi Minh City	Quỹ Đầu tư và Phát triển đô thị TP.HCM	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.096500	F
1078	VN0HCMA19057		HCMA1905	NA	Urban Development and Investment Fund in Ho Chi Minh City	Quỹ Đầu tư và Phát triển đô thị TP.HCM	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.096500	F
1079	VN0BCI401067		BCI40106	NA	Ho Chi Minh City Infrastructure Investment JSC	Công ty cổ phần Đầu tư hạ tầng kỹ thuật TP.HCM	TRÁI PHIẾU/ BONDS	100,000	VN	VND	0.080000	F

Ghi chú / **Note:** NA: New active ISIN (Mã ISIN mới)

DA: Delete an active ISIN (Hủy mã ISIN)

F: Fixed (Cố định)

V: Variable (Thay đổi)

A: Annual (Hàng năm)





A	20110720
A	20110901

A	20090619
A	20160519
A	20210519
A	20091207
A	20120723
A	20111207
A	20111218
A	20211218
A	20230901
A	20131222
A	20131229
A	20131226
A	20140123
A	20110612
A	20110626
A	20221120



A	20110426
A	20110510
A	20110517
A	20110607
A	20110629
A	20110719

A	20110726
A	20110802
A	20110816
A	20110809
A	20110830
A	20110823
A	20110913
A	20110927
A	20110920
A	20111018
A	20111025
A	20111115
A	20111122
A	20111115
A	20111211
A	20111129
A	20111222
A	20131004
A	20131101
A	20131213
A	20160328
A	20120124
A	20120115

A	20120131
A	20120124
A	20120207
A	20120201
A	20120228
A	20120307
A	20120319
A	20120305
A	20120328
A	20120411
A	20120425
A	20120509
A	20120530
A	20120523
A	20120613
A	20120606
A	20120627
A	20120711
A	20120704
A	20120716
A	20140321
A	20140404
A	20140418

A	20090219
A	20090302
A	20090316
A	20090401
A	20090516
A	20090415
A	20090429
A	20090511
A	20090614
A	20090624
A	20090727
A	20090810
A	20090302
A	20090422
A	20090517
A	20090531
A	20090615
A	20090629
A	20090715
A	20090830
A	20090912
A	20091010
A	20091019

A	20091107
A	20091114
A	20091219
A	20100830
A	20101010
A	20101019
A	20121019
A	20121107
A	20121205
A	20121219
A	20121226
A	20100117
A	20100131
A	20100221
A	20100306
A	20100605
A	20100806
A	20100820
A	20110320
A	20110806
A	20110820
A	20130117
A	20130131

A	20130221
A	20101212
A	20101218
A	20101226
A	20120724
A	20120730
A	20120814
A	20120907
A	20121016
A	20121019
A	20121031
A	20121114
A	20121120
A	20121128
A	20121212
A	20121218
A	20121226
A	20100303
A	20100701
A	20100812
A	20110115
A	20110129
A	20130115

A	20130129
A	20130812
A	20101210
A	20111210
A	20100126
A	20110222
A	20100224
A	20110302
A	20110310
A	20100330
A	20110316
A	20100414
A	20110324
A	20110412
A	20110428
A	20100531
A	20110516
A	20100614
A	20110524
A	20100620
A	20110612
A	20100624
A	20110626

A	20100711
A	20090824
A	20090909
A	20100812
A	20090924
A	20100823
A	20091018
A	20100905
A	20091027
A	20100913
A	20091125
A	20100922
A	20091217
A	20100928
A	20101011
A	20101025
A	20101104
A	20101117
A	20101130
A	20101213
A	20100114
A	20110112
A	20100131

A	20110118
A	20100228
A	20090215
A	20100307
A	20110215
A	20100310
A	20110223
A	20100322
A	20110301
A	20100406
A	20090301
A	20150413
A	20110309
A	20090729
A	20100420
A	20210309
A	20090802
A	20100506
A	20110315
A	20090818
A	20200517
A	20110321
A	20090831

A	20100520
A	20110227
A	20090914
A	20100527
A	20110405
A	20090928
A	20100606
A	20210405
A	20091012
A	20200615
A	20110419
A	20091026
A	20100617
A	20110505
A	20091028
A	20100630
A	20091109
A	20200630
A	20091119
A	20100707
A	20091214
A	20100722
A	20091229

A	20100728
A	20100808
A	20100825
A	20200825
A	20100908
A	20100913
A	20100915
A	20200908
A	20100928
A	20101006
A	20101020
A	20101024
A	20101028
A	20101103
A	20101108
A	20101111
A	20101124
A	20101115
A	20101130
A	20101205
A	20101208
A	20101222
A	20100904

A	20100917
A	20101001
A	20101029
A	20110904
A	20110917
A	20111001
A	20131029
A	20100826
A	20100909
A	20110826
A	20110909
A	20101112
A	20111112
A	20101103
A	20101201
A	20100826
A	20110828
A	20120901
A	20101020
A	20101101
A	20111024
A	20111027
A	20120506

A	20190220
A	20090520
A	20190227
A	20190319
A	20130328
A	20190326
A	20120918
A	20190730
A	20181129
A	20181219
A	20181226
A	20120415
A	20130121
A	20190115
A	20120620
A	20180225
A	20120816
A	20130226
A	20190203
A	20170912
A	20180320
A	20171008
A	20190209

A	20121021
A	20180328
A	20121106
A	20180416
A	20190216
A	20171115
A	20190217
A	20171210
A	20180429
A	20190220
A	20171212
A	20180514
A	20190225
A	20171224
A	20190226
A	20180612
A	20190227
A	20180613
A	20190218
A	20130613
A	20180623
A	20190308
A	20180630

A	20190315
A	20130715
A	20190414
A	20130731
A	20190414
A	20130813
A	20180828
A	20190429
A	20180910
A	20090429
A	20180912
A	20190517
A	20180912
A	20190528
A	20180912
A	20190610
A	20180915
A	20140610
A	20130915
A	20190604
A	20130915
A	20190624
A	20190720

A	20180926
A	20190728
A	20190730
A	20180930
A	20190809
A	20180924
A	20180930
A	20180926
A	20180930
A	20181024
A	20181118
A	20181127
A	20181208
A	20181222
A	20181223
A	20181225
A	20100421
A	20100428
A	20200421
A	20200428
A	20201118
A	20090620
A	20090803

A	20090809
A	20090817
A	20090817
A	20090825
A	20110620
A	20110629
A	20110721
A	20110728
A	20110803
A	20110809
A	20110817
A	20110817
A	20110817
A	20110825
A	20110825
A	20110913
A	20110919
A	20110907
A	20110830
A	20111006
A	20111006
A	20111012
A	20111027

A	20111115
A	20111114
A	20111124
A	20111211
A	20111130
A	20111220
A	20160817
A	20160913
A	20210517
A	20210717
A	20210731
A	20210817
A	20210817
A	20210825
A	20210825
A	20210831
A	20210912
A	20211006
A	20210811
A	20211013
A	20211017
A	20211018
A	20211115

A	20211128
A	20211130
A	20211212
A	20211222
A	20090112
A	20090119
A	20090131
A	20090212
A	20090322
A	20090417
A	20100212
A	20100322
A	20100417
A	20120115
A	20120110
A	20120112
A	20120123
A	20120124
A	20120122
A	20120126
A	20120129
A	20120123
A	20170212

A	20170330
A	20170705
A	20220117
A	20220111
A	20220123
A	20220212
A	20220419
A	20220620
A	20220726
A	20220717
A	20121017
A	20100115
A	20100111
A	20100121
A	20100225
A	20100301
A	20100314
A	20110312
A	20180820
A	20230718
A	20230820
A	20230804
A	20200331

A	20190819
A	20190914
A	20150125
A	20110117
A	20210120
A	20150131
A	20210126
A	20200131
A	20210215
A	20150318
A	20200331
A	20110217
A	20210223
A	20210324
A	20150421
A	20110316
A	20150426
A	20210406
A	20200428
A	20150525
A	20210418
A	20200525
A	20210419

A	20150530
A	20090420
A	20200621
A	20210228
A	20150712
A	20200729
A	20200729
A	20150816
A	20150824
A	20150920
A	20201021
A	20201223
A	20201220
A	20201221
A	20201226
A	20190809
A	20190819
A	20190823
A	20190831
A	20190827
A	20190831
A	20190909
A	20190917

A	20190928
A	20191013
A	20191115
A	20191118
A	20191126
A	20191021
A	20091021
A	20191224
A	20130930
A	20131017
A	20131021
A	20131023
A	20131028
A	20180826
A	20180916
A	20130923
A	20230829
A	20230910
A	20230916
A	20230923
A	20111028
A	20131104
A	20130923

A	20131028
A	20131104
A	20230915
A	20230930
A	20111031
A	20111118
A	20111121
A	20131023
A	20131028
A	20131030
A	20131031
A	20131118
A	20131120
A	20131119
A	20111118
A	20111125
A	20131202
A	20131125
A	20111222
A	20111223
A	20111219
A	20131219
A	20111231

A	20111229
A	20111126
A	20101126
A	20110114
A	20120114
A	20140114
A	20110216
A	20100324
A	20110326
A	20120331
A	20190623
A	20110618
A	20120618
A	20120708
A	20110818
A	20110826
A	20090809 (Huý)
A	20090817 (Huý)
A	20090817 (Huý)
A	20090818 (Huý)
A	20090824 (Huý)
A	20090825 (Huý)
A	20090830 (Huý)

A	20090831 (Huý)
A	20110916
A	20121231
A	20120915
A	20120930
A	20120914
A	20140716
A	20120724
A	20140831
A	20140911
A	20091010 (Huý)
A	20110926
A	20110826
A	20120827
A	20101020
A	20191116
A	20141124
A	20141218
A	20111215
A	20121215
A	20121224
A	20121230
A	20101231

A	20120115
A	20100125
A	20100330
A	20100330
A	20110427
A	20120614
A	20090819
A	20160427
A	20170614
A	20210427
A	20220614
A	20160727
A	20120820
A	20210727
A	20170820
A	20160831
A	20220820
A	20210831
A	20170920
A	20111222
A	20220920

A	20121011
A	20221011
A	20171113
A	20121213
A	20090730
A	20100729
A	20110531
A	20171130
A	20140927
A	20200729
A	20210615
A	20171129
A	20200831
A	20110622
A	20221129
A	20091130
A	20100831
A	20210719
A	20121231
A	20091215
A	20200920
A	20160810
A	20091224

A	20100920
A	20210810
A	20100930
A	20200930
A	20160822
A	20101017
A	20210822
A	20201017
A	20101115
A	20201115
A	20101130
A	20201130
A	20101209
A	20201209
A	20101220
A	20201220
A	20201229
A	20090915